**CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN TNV**

**Ngày 22.06.2014**

**1. NGÔN NGỮ TRẺ TỰ KỶ**

**1.1. Ngôn ngữ**

*1.1.1. Khái niệm ngôn ngữ*

- Ngữ ngôn (tiếng nói)?

→ Hệ thống âm vị, từ vựng, ngữ pháp chỉ dùng cho một quốc gia, dân tộc nhất định.

Ngữ ngôn

giao tiếp Ngôn ngữ

Biểu cảm

- Ngôn ngữ là một quá trình tâm lý trong đó mỗi cá nhân sử dụng một thứ ngữ ngôn để giao tiếp, có kèm theo những biểu hiện tâm lý khác.

- Ngữ ngôn khác ngôn ngữ như thế nào?

SỰ KHÁC BIỆT

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngữ ngôn** | **Ngôn ngữ** |
| * Là hiện tượng chung cho mọi dân tộc * Hình thành trong điều kiện lịch sử-xã hội và là tài sản của một dân tộc * Là công cụ để giao tiếp và tư duy * Mang tính khách quan * Không bị mất đi, là tài sản tinh thần của một dân tộc | * Là quá trình cá nhân sử dụng ngữ ngôn để giao tiếp * Hình thành trong đời sống cá nhân * Là quá trình giao tiếp * Mang tính chủ thể rõ ràng * Có thể bị rối loạn hoặc mất đi do bệnh lý |

*1.1.2. Các chức năng của ngôn ngữ*

- Chức năng chỉ nghĩa

Dùng một từ, một câu để chỉ một nghĩa nào đó; tức là quá trình gắn từ đó, câu đó với một sự vật, hiện tượng.

- Chức năng khái quát hóa

Từ không chỉ một sự vật, hiện tượng riêng lẻ mà nó chỉ một loạt các sự vật, hiện tượng có chung những thuộc tính bản chất.

- Chức năng thông báo

Mỗi quá trình ngôn ngữ đều chứa đựng một nội dung thông tin, sự biểu cảm dùng để truyền đạt từ người này sang người khác hay tự nói với bản thân mình, qua đó thúc đẩy, điều chỉnh hành động của con người.

- Thông tin

- Biểu cảm

- Thúc đẩy hành động

*1.1.3. Các loại ngôn ngữ*

- Ngôn ngữ bên trong (ngôn ngữ thầm)

Đối thoại

Ngôn ngữ nói

Độc thoại

- Ngôn ngữ bên ngoài

Ngôn ngữ viết

***\**** Ngôn ngữ bên ngoài là ngôn ngữ chủ yếu hướng vào người khác, nhằm mục đích giao tiếp.

* *Ngôn ngữ nói* : là ngôn ngữ hướng vào người khác, được biểu hiện bằng âm thanh và được tiếp nhận bằng cơ quan thính giác.

Ngôn ngữ đối thoại : là một dạng ngôn ngữ diễn ra giữa 2 hay một nhóm người trong điều kiện tiếp xúc trực tiếp nhằm trao đổi thông tin với nhau.

Ngôn ngữ độc thoại : Là một dạng hoạt động ngôn ngữ diễn ra trong hoàn cảnh giao tiếp giữa một người nói liên tục, một chiều cho nhiều người nghe.

\* Ngôn ngữ bên trong :Là ngôn ngữ cho mình, hướng vào bản thân, chứ không phải là phương tiện giao tiếp, mà nó chỉ nằm ở dạng dự kiến, suy nghĩ, tưởng tượng, nhớ lại và còn giúp con người nhận thức, tự đánh giá, tự điều chỉnh, tự giáo dục.

🡪 *Ngôn ngữ bên trong và ngôn ngữ bên ngoài có mối quan hệ mật thiết với nhau.*

*1.1.4. Các đặc điểm cá nhân của ngôn ngữ giao tiếp*

+ Tính cởi mở

+ Tính kín đáo (thiếu cởi mở)

+ Tính hay nói (lắm lời)

+ Tính hùng biện

*1.1.5. Vai trò của ngôn ngữ trong đời sống con người*

\* Đối với quá trình nhận thức cảm tính

- Gây cho con người những cảm giác trực tiếp, có thể làm thay đổi ngưỡng cảm giác và tính nhạy cảm.

- Định hướng được SVHT, tri giác SVHT được rõ ràng, chính xác hơn, trọn vẹn hơn và gắn liền với một cái tên cụ thể.

- Nhờ có ngôn ngữ mà con người tiến hành tri giác có chủ định và nó còn qui định cả chất lượng của quan sát.

\* Đối với quá trình trí nhớ

Nhờ có sự tham gia tích cực của ngôn ngữ làm cho sự ghi nhớ, gìn giữ và nhớ lại của con người có chủ định, có ý nghĩa.

\* Đối với quá trình nhận thức lý tính

- Ngôn ngữ có mối quan hệ chặt chẽ với tư duy :

+ Nhận thức hoàn cảnh có vấn đề 🡪 khâu kết thúc với các sản phẩm của tư duy đều phải dựa vào ngôn ngữ.

+ Tư duy dùng ngôn ngữ làm phương tiện, công cụ.

- Ngôn ngữ là phương tiện để hình thành, biểu đạt và duy trì các hình ảnh mới của tưởng tượng, nó giúp cho tưởng tượng trở nên chân thật, phong phú và trở thành một quá trình có ý thức và được điều khiển.

*1.1.6. Một số giai đoạn phát triển ngôn ngữ của trẻ bình thường*

=> Trình chiếu.

**1.2. Đặc điểm ngôn ngữ trẻ tự kỷ**

*1.2.1. Các vấn đề về ngôn ngữ và giao tiếp của trẻ tự kỷ*

Khi sinh ra, phần lớn trẻ em dường như đã sẵn sàng hoà nhập với xã hội và phát triển kỹ năng giao tiếp. Từ những ngày đầu tiên của cuộc sống chúng đã hết sức vui thích đặc biệt trong mỗi biến động của khuôn mặt ai đó tiến lại gần. Đứa trẻ dường như nhận ra rằng con người là rất quan trọng; tìm sự an ủi để chia sẻ những khoảnh khắc vui sướng, tìm đến sự chỉ bảo và để được học hỏi, chúng nhanh chóng học cách đợi giúp đỡ của những người lớn khi chúng muốn cái gì. Trẻ Tự kỷ thường không muốn khao khát giao tiếp. Chúng tỏ ra không sẵn sàng để để học hỏi những điều mà trẻ bình thường học một cách tự nhiên và do đó, trẻ không có cơ hội để “đi vào ngôn ngữ theo cùng một cách”. Chúng thấy rất khó khăn để làm những điều xung quanh có ý nghĩa.

Ngôn ngữ được phát triển ở trẻ nhỏ tạo ra sự liên hệ giữa âm thanh chúng nghe được với thế giới xung quanh trẻ. Chúng học để dự đoán rằng một ai đó sẽ mở cửa và điều đó là trẻ được ra ngoài. Trước tiên ngôn ngữ đi cùng với hành động có tính thông lệ. Sau đó khi trẻ học được rằng chủ thể và hành động có những kí hiệu mà không thay đổi từ tình trạng này sang tình trạng khác, ngôn ngữ này đã tạo ra ý nghĩa thậm chí ngoài cả các thông lệ mà lần đầu tiên trong ngôn ngữ được sử dụng. Một khi trẻ hiểu chủ thể và hành động có ý nghĩa như thế nào, chúng bắt đầu học các từ của những vật mà chúng thích. Chúng học theo sự chỉ trỏ và gọi tên của người lớn đối với các vật và chúng học cách chỉ trỏ các vật và hỏi về các từ mà chúng cần. Trẻ Tự kỷ không phải lúc nào cũng gặp khó khăn trong việc tạo ra ý nghĩa của các từ nhưng rất khó khăn khi đọc các “thông điệp” không phải bằng ngôn ngữ được thể hiện bằng hành động hoặc trên nét mặt. Đối với tất cả chúng ta, các cử chỉ không bằng lời này rất quan trọng để giúp chúng ta tạo ra ý nghĩa của toàn bộ thông điệp. Với các trẻ em có khó khăn đặc biệt trong việc học các từ, điều rất quan trọng là chúng ta phải giúp trẻ bằng mọi cách để trẻ có thể hiểu ý nghĩa của các việc chúng làm. Chúng ta không được quên rằng trẻ tự kỷ thường rất dễ tạo ra ý nghĩa cho các vật mà chúng nhìn thấy hơn là những điều mà chúng nghe thấy. Đây là một điểm mà chúng ta có thể tận dụng các bức tranh, các bức ảnh, các biểu tượng và các kí hiệu sẽ vô cùng hữu ích. Với những trẻ không gặp phải vấn đề về giao tiếp thì tiếp thu các nguyên tắc giao tiếp rất dễ dàng trước khi và trong khi học các từ. Trẻ tự kỷ thì lại không mấy dễ dàng khi học các nguyên tắc của trò chơi phát triển ngôn ngữ. Thậm chí cả những trẻ có kỹ năng ngôn ngữ tốt vẫn có thể không thực hiện giao tiếp hoặc sử dụng ngôn ngữ trong nhiều cách mà trẻ khác có thể sử dụng.

Nghiên cứu những vấn đề đối thoại giữa mẹ và bé, trong một thời gian dài trước khi phát triển ngôn ngữ, chính thức giao tiếp qua lại và chia sẻ sự hiểu ý, đứa trẻ nhanh chóng bắt nhịp được với cha mẹ chúng. Chúng nhận được những thông tin phi ngôn ngữ bằng cách giao tiếp qua nét mặt và cử chỉ. Bằng cách đó chúng học được và biết được điều gì sẽ xảy ra và khi nào là lúc để hành động một cách đặc biệt, chúng có thể nhận ra khi người lớn vui, buồn và như vậy có nghĩa là gì. Dần dần chúng học được làm thế nào để giao tiếp với mọi người bằng nguyên tắc phi ngôn ngữ.

Với trẻ Tự kỷ, mọi thứ đều khó khăn đối với chúng. Chúng không thích bất kỳ ai, chúng không muốn nhìn nhận mọi việc qua cách nhìn của người khác và khiếm khuyết về ngôn ngữ là một tính chất căn bản của chứng Tự kỷ. Gần một nửa số người tự kỷ không có được ngôn ngữ cũng như không thể sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp một cách thông thường và đơn giản. Những trẻ Tự kỷ không đi kèm với tật CPTTT thì cũng thường bị chậm nói, phải tới 3,4 tuổi mới bắt đầu tập nói.Trẻ tự kỷ có cách nói khác với trẻ bình thường và thông thường trẻ thường có một số đặc điểm sau đây về ngôn ngữ và giao tiếp:

**a. Những khó khăn trong việc tiếp nhận và diễn đạt ngôn ngữ**

Giao tiếp và những khó khăn trong giao tiếp của trẻ Tự kỷ có thể thể hiện trên 2 phương diện: *Thứ nhất:* trẻ Tự kỷ thường gặp vấn đề trong cả xử lý thính giác, tiếp nhận và gửi tín hiệu giao tiếp. Dĩ nhiên nếu thông tin thính giác không thích hợp và không đủ để tiếp nhận thông tin đó, thì việc tạo ra một ý nghĩa nào đó hoặc một phản ứng nào đó có thể bị hạn chế.

*Thứ hai:* Trẻ tự kỷ thường có những vấn đề không chỉ trên “kênh” xử lý thính giác, mà còn trên những “kênh” giao tiếp không lời khác. Những vấn đề đó cũng thường có trong việc tiếp nhận thông tin, sử dụng ngôn ngữ cơ thể, cũng như là ngôn ngữ nói. Mỗi tín hiệu (thính giác và ngôn ngữ phụ) cần được xem xét với khía cạnh nó có ảnh hưởng như thế nào tới sự cảm nhận thế giới của Trẻ Tự kỷ. Bất cứ hệ thống tín hiệu giao tiếp nào thiếu cũng cần xây dựng hoặc tăng cường để tạo ra giai đoạn cho sự phát triển ngôn ngữ nói. Trong sự phát triển thông thường, khả năng sử dụng ngôn ngữ phụ kết hợp việc sử dụng giao tiếp bằng mắt (tương tác mắt), diễn tả bằng nét mặt và cử chỉ (hoặc ngôn ngữ cơ thể) cung cấp những hệ thống dự trữ khi việc nhận biết tín hiệu thính giác không làm việc. Bằng sự đảm bảo rằng những khả năng ngôn ngữ phụ cũng phát triển ở trẻ tự kỷ, chúng ta cần tăng cường những cơ hội đặt chúng vào “tín hiệu” thính giác đầy đủ và sẵn sàng hơn.

**b. Những khó khăn trong việc hiểu ngôn ngữ qua ánh mắt, nét mặt và cử chỉ cơ thể**

***Sự thể hiện qua nét mặt.*** Thường thì trẻ Tự kỷ dường như không hiểu hoặc thậm chí không chú ý chút nào và không ý thức được những cử chỉ mà cha mẹ dùng để chỉnh đốn hành vi của chúng. Đó có thể là nét mặt thể hiện sự canh chừng của người mẹ sau khi gọi tên đứa con của mình một cách nghiêm khắc – mang vẻ mặt cảnh cáo để thể hiện rằng nó hãy dừng tay lại trước một số vật sắc, nóng nếu không thì sẽ rất nguy hiểm. Cử chỉ cũng được sử dụng một cách thường xuyên, đặc biệt với những trẻ ở giai đoạn tiền ngôn ngữ, để đứa trẻ biết cái mà chúng ta đang suy nghĩ. Sau đó, cử chỉ thể hiện rất rõ ràng và nhanh chóng những suy nghĩ của người mẹ: “Hãy nhìn mẹ! Hãy đọc những suy nghĩ trên mặt mẹ! Mẹ biết con đang làm cái gì nguy hiểm! Không được làm cái đó! Hành động gần như không có ý thức này của người mẹ với đứa con 8 – 10 tháng tuổi chứng tỏ rằng người mẹ đó đã thừa nhận đứa trẻ có tư duy.

Cử chỉ nét mặt có thể là hình thức giao tiếp vô thức nhất sử dụng với trẻ để giao tiếp một số thứ với “tín hiệu” cảm xúc khẳng định hoặc phủ định ở mức độ cao. Cha mẹ sẽ sử dụng những nét mặt rất giận dữ hoặc doạ nạt nếu họ muốn thể hiện rằng đứa trẻ cần dừng hành vi của nó lại. Họ sẽ mỉm cười, gật đầu và ánh mắt lấp lánh để thể hiện sự hài lòng hoặc khuyến khích. Đặc biệt khi đứa trẻ vẫn ở giai đoạn tiền ngôn ngữ, sự thể hiện bằng cử chỉ, nét mặt là phương tiện để đưa phần lớn các tín hiệu khẩn cấp hoặc kích thích tới đứa trẻ. Cùng với giọng nói, nó là cái mà cha mẹ sử dụng khi muốn chắc chắn những thông điệp mà họ đưa ra trẻ có thể tiếp nhận được.

Những khó khăn trong việc tiếp nhận của trẻ thường đi kèm với việc không có khả năng sử dụng cử chỉ, ánh mắt hoặc nét mặt để diễn tả suy nghĩ một cách rõ ràng. Điều gì xảy ra nếu bạn không hiểu những gì đang được nói quanh bạn? Bạn vừa bước xuống sân bay của một nước nơi mà bạn không thể dùng ngôn ngữ của nước mình và bạn lại đang rất khát. Bạn có thể “xả” với ai đó, cố gắng dùng tay để ra hiệu, làm giống như nghiêng cái cốc vào miệng bạn, chỉ một chỗ thích hợp để có thể uống và nhún vai ... Bạn có thể thiếu ngôn ngữ bằng lời nhưng bạn phải có nhiều ngôn ngữ phi lời nói để dùng tới – giống như một trẻ câm.

Một số cử chỉ mang tính phổ biến như nét mặt thể hiện sự chán ghét, sự xấu hổ, sự đồng cảm, nỗi buồn, sự thân ái ... Trẻ Tự kỷ có vẻ không nhận được giá trị xã hội của điều này, và vì thế thường không dùng những thể hiện mang tính giao tiếp này. Dường như việc thiếu hụt sự định hướng bẩm sinh làm cho cử chỉ nét mặt không được sử dụng khi giao tiếp – bởi vì phần lớn trẻ Tự kỷ có thể thể hiện cảm xúc phản ứng trên mặt chúng ( ví dụ nếu bị đút một loại thức ăn mới và khó chịu vào miệng thì miệng của chúng dính lại), nên phản ứng này có thể được “xem xét” một cách chính xác bởi cha mẹ trẻ, mặc dù đứa trẻ không hề “gửi” một cách có chủ ý tới người lớn.

Nhiều cha mẹ thấy rằng mặc dù trẻ Tự kỷ luôn có nét mặt thể hiện sự nghiêm túc, nghiêm trọng nhưng lại không có khuynh hướng biểu lộ khi có sự mở rộng cảm xúc một cách rõ ràng (như sự xấu hổ, tội lỗi, đồng tình hay không đồng tình ) hoặc không biết được sự khác nhau giữa những trạng thái cảm xúc được liên hệ một cách chặt chẽ.

***Sự thể hiện qua cử chỉ (chỉ trỏ)*** Ngoài việc không nhìn theo hoặc không chú ý đến những cử chỉ chỉ tay của người khác, trẻ cũng khó khăn trong việc bắt chước cử chỉ của họ, thay vì đổi hướng nhìn hay nghiêng đầu thì chúng vẫn giữ nguyên ánh mắt vào một điểm cố định, cho cảm tưởng là chúng khong ghi nhận hay hiểu ý nghĩa cử chỉ của người khác. Nói về việc phát triển của trẻ thì việc không có cùng chú ý này làm giảm cơ hội cho trẻ học cách tham dự vào sinh hoạt xã hội, vì chúng không biết nhìn nhận sự việc theo quan điểm của người khác, chúng không hiểu được người khác đang có những biểu hiện gì trên nét mặt hay đang nói một vấn đề gì. Không phải trẻ Tự kỷ không biết nhìn hoặc chỉ dùng tay chỉ đồ vật nhằm chia sẻ sự chú ý quan tâm của người khác, tuy nhiên khi trẻ ngước nhìn người lớn và cầm tay người lớn thì chủ yếu là muốn người lớn lấy cho trẻ vật mà trẻ yêu thích đang nằm ở người tầm với của trẻ hay để giúp trẻ làm một điều gì đó mà chúng gặp khó khăn, ví dụ như mở nắp hộp. Sự tương tác của trẻ ở đây thường có tính yêu cầu làm điều gì đó mà rất ít khi là để chia sẻ cảm xúc hay kinh nghiệm.

Trẻ Tự kỷ đạt được những cử chỉ được dạy rất chậm, như vẫy tay chào chẳng hạn. Những cử chỉ tự nhiên (Những cử chỉ phát triển không cần dạy – mặc dù là chúng có thể dạy được) thì chậm trễ ở phần lớn các đứa trẻ Tự kỷ: Bao gồm lắc đầu khi phản đối (với một đứa bé khi chúng chưa ăn hết), nhìn chằm chằm và đáng lưu ý nhất là chỉ trỏ.

Thiếu khả năng chỉ trỏ có thể là điều mà chúng ta dễ nhận thấy nhất và phổ biến nhất ở trẻ Tự kỷ. Khi một đứa trẻ 10 tháng tuổi chỉ trỏ, trẻ đang nói với bạn rằng nó hiểu được là hệ thống thị giác của bạn có hoạt động giống như của trẻ và trẻ biết rằng bạn sẽ nhìn cái trẻ nhìn nếu như bạn cũng nhìn vào cái mà trẻ đang chỉ. Với trẻ Tự kỷ điều đó thật rắc rối! Đây là cốt lõi của trí tuệ – ý tưởng cho rằng những đứa trẻ có thể nhanh chóng hiểu được rằng bố mẹ nó có thể “ hiểu những suy nghĩ của trẻ”.

Thiếu khả năng để chỉ trỏ đặc biệt là để diễn tả bằng cử chỉ, thông thường có ảnh hưởng sâu sắc đến khả năng lĩnh hội thông tin từ thế giới xung quanh trẻ: Khi đứa trẻ nhìn vào một số thứ và phát âm, cha mẹ thường nhìn theo ánh mắt của trẻ và sau đó cung cấp cho trẻ những thông tin về cái mà trẻ đang tỏ ra thích thú. Tương tự, trẻ thường bắt đầu chỉ khi chúng khoảng 10 tháng tuổi. Một đứa trẻ sẽ chỉ trỏ, phát âm và đưa mắt từ chỗ vật tới cha mẹ và từ chỗ cha mẹ đến vật trẻ thích cho đến khi cha mẹ nói với trẻ về vật đó hoặc đưa vật đó cho trẻ. Cái gì thực sự đang xảy ra trong quá trình tương tác, đứa trẻ gần như nói “ Đây là cái gì? Hãy nói với con về nó đi! ” Những thông tin mà trẻ “nhận” về vật mà trẻ thích thì thực sự hứng thú, và điều này có nghĩa là đứa trẻ sẽ ở trong tình trạng khắc khoải mong đợi để có những thông tin đó, và nếu cha mẹ đưa vật cho trẻ một cách ngẫu nhiên thì trẻ sẽ không chỉ vào vật đó.Trẻ Tự kỷ không chỉ trỏ, nó cũng không tiếp thu những bài học này.

***Sự thiếu hụt ngôn ngữ phụ và những khiếm khuyết bẩm sinh*** Không hiểu những tín hiệu ngôn ngữ phụ như sự diễn tả bằng nét mặt và cử chỉ, là khó khăn của trẻ Tự kỷ, đó giống như là một khiếm khuyết “thực sự” và gây ra rất nhiều khó khăn trong việc học ngôn ngữ của trẻ tự kỷ. Điều này phát sinh từ rất sớm, những vấn đề trong quá trình xử lý cơ bản đó là một dấu hiệu để chẩn đoán rối nhiễu phổ Tự kỷ. Không hiểu cử chỉ có thể liên quan đến những thiếu hụt về trí tuệ, thiếu hụt sự tham gia của khả năng định hướng, và một kích thích ưu tiên bên cạnh những thứ khác.

Những thiếu hụt bẩm sinh có thể làm tăng thêm những thất bại của mỗi trẻ Tự kỷ trong việc khám phá những tín hiệu ngôn ngữ phụ vì thế thiếu hụt trong việc hiểu sự diễn tả bằng nét mặt hoặc cử cần được trị liệu. Khi dự định dạy trẻ phải phản ứng như thế nào với những thông tin quan trọng bằng nét mặt và cử chỉ, cần phải thiết lập lại những khiếm khuyết thực sự này, những chiếc lược như đưa ra một loại thức ăn được ưa thích giữa những con mắt để dạy tương tác mắt thì thật vô ích. Nó giống như bật một hệ thống tiếp sóng khi không có tín hiệu nào để nhận, uổng phí năng lượng và dĩ nhiên không có giá trị giao tiếp. Tại sao bạn muốn trẻ nhìn? Mục tiêu là để trẻ “hiểu” tín hiệu, bởi vì đó là một sự gợi ý cho cái có thể sắp xảy ra sau đó. Nếu điều sẽ xảy ra là những điều đứa trẻ thấy có nhiều ý nghĩa, trẻ sẽ học để nhìn vào mắt bạn với một gợi rằng trẻ mong muốn có những kết qủa tương tự. Điều này giải thích tại sao một số trẻ Tự kỷ sử dụng giao tiếp bằng mắt khi chúng muốn có một thứ nào đó, nhưng không sử dụng giao tiếp mắt khi thông tin bắt nguồn từ bạn.

***Thiếu sự tương tác bằng mắt:*** Đứa trẻ không tương tác bằng mắt, không có gì ngạc nhiên khi đó là một trong những vấn đề mà cha mẹ chú ý, hoặc nhận ra trong khi hồi tưởng lại. Thiếu tương tác mắt có nghĩa là đứa trẻ không nhận những tín hiệu. Trên thực tế, nó có thể như là một hệ thống tiếp sóng bị tắt. Trong một cuộc phỏng vấn chẩn đoán mẹ của trẻ bất ngờ khóc oà lên, thể hiện sự lo lắng của cô ấy về sự thất bại khi dạy con trai mình, cô ấy nói “ Cháu không nhìn vào mắt tôi!”. Thông thường khi cha mẹ thấy đứa trẻ không “lấy được” thông tin mà họ đang gửi, họ sẽ tăng thông tin – thêm vào một âm thanh phù hợp (hạnh phúc, buồn, lo lắng, hứng thú), sử dụng ngôn ngữ cơ thể hoặc thậm chí tạo ra tương tác bằng cơ thể với đứa trẻ để tăng cường tín hiệu.

Thỉnh thoảng, cha mẹ nói và trẻ nhìn nhanh. Điều này có thể cản trở cảm nhận của cha mẹ, họ có thể cho rằng tín hiệu không được tiếp nhận, mặc dù nó vừa đủ dài để khẳng định rằng đó là một tín hiệu, nhưng lại không thể hiểu được. Một cách logic, nhiều cha mẹ đã đi đến kết luận rằng trẻ có vấn đề nghe, nói cách khác tín hiệu rõ ràng đã không được tiếp nhận. Rốt cuộc, nếu trẻ có thể nghe tốt, tại sao chúng không tìm thêm thông tin hoặc cố gắng “tìm hiểu” tình huống theo cách khác?

Trẻ có khuynh hướng không nhìn vào mắt người khác để có được thông tin, tức nhìn vào sự thay đổi nét mặt để đoán biết cảm xúc, quan điểm để hiểu được người đối diện đang muốn nói điều gì và họ hài lòng hay không hài lòng qua ánh mắt, nét mặt ấy. Tức trẻ không hiểu được những gì mà người khác có thể biểu lộ qua ánh mắt và nét mặt để thể hiện những ý tưởng, nguyện vọng hay hành vi của mình. Việc biết chia sẻ và quan tâm và chú ý đến mọi vấn đề sẽ giúp cho trẻ Tự kỷ học được nhiều điều qua người khác, đặc biệt là người lớn và chính những người lớn này sẽ giúp trẻ biết cách đáp ứng với môi trường và hoàn cảnh. Trẻ Tự kỷ khiếm khuyết về mặt này làm cho chúng có nhận xét yếu kém về hoàn cảnh,đồng thời trẻ cũng không thể hiểu được cảm xúc và mói liên hệ. Ví dụ, trẻ không hiểu tại sao mẹ nó lại khóc… Chính nhưng thiếu hụt này làm cho trẻ Tự kỷ khó khăn khi tham gia xã hội, trẻ trở nên lạc lõng và xã hội cũng trở nên khó hiểu đối với chúng

***Những khó khăn về “ tín hiệu “ và “ tiếng ồn”*** Hãy cùng khám phá những giải thích khác nhau về những khó khăn của “tín hiệu” và “tiếng ồn”.

Thứ nhất, tín hiệu có thể không rõ ràng. Một đứa trẻ có tai thường xuyên bị nhiễm độc và có chất lỏng ở trong có thể tiếp nhận tín hiệu không rõ ràng. Dù thế nào, khi điều đó xảy ra với những trẻ phát triển bình thường thì những ngày hoặc những tuần sau khi đặt ống thực sự là quá gây ấn tượng với hy vọng cảm nhận ngôn ngữ của chúng. Nhưng có những lí do khác mà khiến cho tín hiệu không rõ ràng: nếu não không sẵn sàng để khám phá và nhận ra lối nói lặp lại, ngôn ngữ có thể phát ra giống “tiếng ồn” hơn hoặc tĩnh lặng hơn là một tín hiệu dễ hiểu. Điều đó thể giống như việc bạn tìm chính mình ở một quốc gia mới mỗi buổi sáng và mỗi ngày nghe thấy một loại ngôn ngữ mới nghe lần đầu tiên.

Thứ hai làm cho đứa trẻ có thể như bị “điếc” là nó “nghe“ quá nhiều “tiếng ồn” thay vì tín hiệu. Đây có thể là trường hợp tai trẻ bị bao trùm bởi âm thanh lớn hoặc khi mọi thứ dường như quá nhiều để điều khiển. Với phần lớn chúng ta, nghe âm thanh mà ta không thể hiểu thì bực mình hơn là nghe âm thanh mà ta có thể hiểu (bản nhạc quá to với giai điệu trữ tình không thể hiểu được sẽ chống lại ca khúc mà bạn thích khi chúng cùng lúc vang lên). ”Quá to” hoặc quá “ồn ào” là một phần mà bạn có thể cảm thấy về cái mà bạn đang nghe.

Thứ ba là vấn đề về khám phá “tín hiệu” ngôn ngữ, bởi vì bạn không thấy có một lí do nào để tập trung tới nó. Nhiều trẻ Tự kỷ thiếu hiểu biết cơ bản về nguyên nhân và kết quả cho tới khi được dạy một cách rõ ràng. Chúng thiếu khả năng hiểu mục đích của những hoạt động quanh chúng. Tiếp theo, não có thể chưa sẵn sàng để nhìn thấy mối liên hệ giữa một hoàn cảnh và một cái gì đó có khả năng diễn ra. Một số học thuyết đã chỉ ra những liên hệ nguyên nhân và kết quả trong việc học ngôn ngữ thông thường như thế nào: với đứa trẻ phát triển bình thường, điều này có thể là kết quả lớn mà chúng đạt được khi chúng nhắc lại “ma ma ma” hoặc “da da da” để ra hiệu và mọi người chú ý. Với trẻ Tự kỷ, sự quan tâm mang tính xã hội không phải là mong muốn cuối cùng, giá trị tiềm tàng, kết quả mang tính xã hội nhất mà âm thanh mang lại có thể hoàn toàn không thú vị với chúng.

***Giọng nói:*** Khi trẻ tự kỷ biết nói thì người ta khám phá thêm một tính chất khác biệt nữa là giọng nói của những trẻ này không được tự nhiên. Gần như tất cả các trẻ tự kỷ mà nói được thì nói với giọng khác thường hoặc phẳng lì không lên giọng, xuống giọng khiến cha mẹ lo ngại con mình bị điếc, vì giọng nói của trẻ giống như trẻ bị điếc. Một số trẻ giọng không phẳng thì lại cao giọng một cách bình thường và cũng không biến đổi trầm bổng. Nếu có sự thay đổi thì thì nó lại lên xuống như hát một cách nhịp nhàng chứ không nhấn mạnh vào chữ cần nhấn mạnh. Điều này cho thấy có lẽ trẻ tự kỷ không hiểu được giọng nói có ý nghĩa như thế nào vào việc chúng định bày tỏ.

***Câm:*** Một số nhỏ trẻ tự kỷ không biết nói nhưng đôi lúc như một hay hai tuần trong năm nói được vài chữ rất chính xác, đúng ngữ cảnh. Mới nghe có vẻ lạ lùng, tuy nhiên trẻ không biết nói tự nhiên nói một hai câu rất lưu loát, đầy đủ rối lại thôi tức là ngưng không nói nữa. Theo một nghiên cứu ở Mỹ và cuộc thăm dò ở Úc, số trẻ tự kỷ không nói trọn đời thay đổi từ 25 đến 40%, những trẻ này cũng thường bị chậm phát triển ở mức trung bình hay nặng. Trong số này có trẻ hiểu được lời nói khá đầy đủ, nhưng trẻ nào bị kèm theo chậm phát triển trí tuệ nặng thì có thể không hiểu được lời nói.

***Ngưng nói:*** Khoảng 1/4 cha mẹ có con tự kỷ kể lại rằng, ban đầu trẻ biết nói bình thường rồi vài tháng sau ngưng phát triển và dần dần mất luôn khả năng và không nói được nữa. Việc ngưng nói thường thường xảy ra theo vài cách chung. Cách thứ nhất, trẻ có được số vốn từ vựng chừng 10 đến 20 chữ hay câu ngắn và số vốn từ này biến mất hoàn toàn. Cách thứ hai, số vốn từ này dừng lại mà không tăng thêm, khi học được chữ mới thì có vẻ như chữ cũ lại mất đi. Thông thường việc ngưng nói xảy ra vào khoảng trẻ được 15 đến 22 tháng tuổi, kéo dài vài tháng cho đến khi bắt đầu có trị liệu ngôn ngữ hay trong vài trường hợp thì mất luôn vĩnh viễn. Đồng thời với việc ngưng nói trẻ có thêm những biểu hiện như: không nhìn vào mắt người khác, không thích chơi với bất kỳ ai, không thích chơi đồ chơi nữa… Người ta chưa thể giải thích tại sao lại có sự liên hệ giữa việc trẻ ngừng nói với những thay đổi trên, tuy nhiên có vài giả thuyết đã nêu ra.

***Cách dùng ngôn ngữ:*** Trẻ tự kỷ dùng lời nói chủ yếu là để nhu cầu của chúng được thoả mãn hơn là mục đích có tính xã hội như nói làm vui lòng người khác... Nói cho đúng thì ai cũng dùng lời nói để thoả mãn nhu cầu của mình, khi ta nghĩ rằng lời nói có tính cách sử dụng thì điều ấy muốn nói ngôn ngữ của trẻ tự kỷ nhắm vào chuyện gợi nên hành động để mang lại điều hay vật mà chúng muốn ngay lúc ấy. Ví dụ như trẻ muốn ”uống nước”, ”đi về”. Trẻ nói những đòi hỏi này mà không cần biết khung cảnh lúc đó có thích hợp hay không. Dường như những câu chuyện tâm tình, những lời tham vãn hay những câu chuyện hài hước là những điều làm cho trẻ khó xử nhất. Đối với người tự kỷ, họ chỉ giới hạn lời nói vào những việc có đòi hỏi thoả mãn nhu cầu trực tiếp mà thôi, chúng ta thấy điểm khác biệt ở đây là họ không biết tiếp chuyện hay chờ đợi sự phản hồi. Gần như người tự kỷ không thể hiểu được người đối diện đã hiểu hay đã nghe đủ chưa và khi nào thì cần ngưng chủ đề đó lại và chuyển sang chủ đề khác.

***Nhại lời:*** Tính nhại lời là một trong những bất thường hay thấy nhất ở trẻ Tự kỷ. Khoảng 80% tất cả các trẻ Tự kỷ nói được thường biểu lộ của tật này, trẻ nói được nhiều chừng nào thì đỡ nhiều chừng ấy về mặt lặp lại câu nói, nhưng đến nay người ta vẫn chưa biết được tại sao chứng tự kỷ lại sinh ra tật nhại lời. Có 2 mẫu nhại lời cơ bản: nhại lời ngay lập tức và nhại lời trì hoãn. Việc xem xét những kiểu nhại lời này sẽ cho chúng ta biết trẻ đang cố gắng xử lý ngôn ngữ như thế nào.

- Nhại lời ngay lập tức: Đây chính là kiểu nhại lời đầu tiên thường xuất hiện ở trẻ. Đôi lúc trẻ chỉ lặp lại một số lời nói nó vừa nghe được mà không có một lý do nào. Điều này cho thấy trẻ có khả năng nghe và giữ lời nói đó trong bộ nhớ ngắn hạn đủ lâu để có thể nhắc lại. Vì thế, điều này có nghĩa là ở trẻ có tồn tại hai trong số các cơ chế cần thiết để sử dụng ngôn ngữ. Thế nhưng trẻ có hiểu không? Có thể không, hoặc có thể chỉ một phần.

Bước tiếp theo trong tiến trình xử lý tiếp nhận ngôn ngữ là hiểu. Nếu ngôn ngữ của trẻ bị khó khăn ở điểm này, có thể nói rằng trẻ có "Rối loạn trung tâm xử lý thính giác" (CAPD). Đây là thuật ngữ mà một số nhà nghiên cứu các tật về ngôn ngữ thường sử dụng. Nói một trẻ Tự kỷ bị nhại lời có rối loạn trung tâm xử lý thính giác là đúng, tuy nhiên điều đó không phải là tất cả, bởi vì có những trẻ em bị "rối loạn cả ngôn ngữ tiếp nhận và ngôn ngữ diễn đạt" (một thuật ngữ y tế có nguồn gốc từ lĩnh vực tâm thần học) cũng có rối loạn trung tâm xử lý thính giác. Nói một cách chính xác, CAPD mô tả việc xử lý ngôn ngữ đầu tiên bị tắc ở khâu nào (có nghĩa là, tại điểm đứa trẻ đang nỗ lực xây dựng ý). CAPD ở một trẻ Tự kỷ có nhại lời cũng phổ biến giống như bệnh hắt hơi xổ mũi ở những người bị cảm.

Nhại lời trì hoãn là một loại khác xảy ra khi một trẻ có khó khăn trong việc rút ra ý nghĩa của lời nói (hoặc có thể mô tả như là một rối loạn trung tâm xử lý thính giác). Nhại lời trì hoãn xuất hiện khi trẻ lặp lại một số đoạn đối thoại đã nghe trong quá khứ. Đôi lúc, nhại lời trì hoãn hoạt động theo cách thay thế một cụm từ hoặc một đoạn bằng một từ đơn giản hơn. Thông thường, trong chứng nhại lời trì hoãn, trẻ thường nghe được phần đầu của hội thoại có một chút gắn với điều được nói. Trong một số tình huống, nhại lời trì hoãn thì quá khác biệt so với cái mà trẻ bình thường làm. Trẻ bình thường sử dụng "sự mở rộng quá mức" khi lần đầu tiên chúng tiếp nhận từ - từ "ga - gee" (nghĩa là "con chó") có thể được dùng khi chúng nhìn thấy bất cứ một con vật nào. Ngoài ra khi vốn từ của trẻ tăng lên, chỉ một số con vật được gọi là "ga - gees" và tiếp đó, chỉ con chó mới được gọi là "ga - gee". Sự phát triển này thường đến sau với trẻ Tự kỷ (vào khoảng 3 - 4 tuổi) trong khi nó có thể đến sớm hơn ở trẻ bình thường (12 - 18 tháng). Khi trẻ Tự kỷ lớn hơn, có thể có thêm sự trưởng thành về trí nhớ thính giác và khả năng đó tham gia vào việc bù trừ cho những khiếm khuyết về mặt nhận thức.

**2. GIAO TIẾP TRẺ TỰ KỶ**

**2.1. Giao tiếp**

*2.1.1. Khái niệm giao tiếp*

...

*2.1.2. Chức năng của giao tiếp*

...

*2.1.3. Phân loại*

...

*2.1.4. Mục đích của giao tiếp*

...

**2.2. Đặc điểm giao tiếp của trẻ tự kỷ**

*2.2.1. Sử dụng lời nói*

Sự phát triển ngôn ngữ của các trẻ này thường chậm và có những dị tật và Kanner coi đó là phần chủ yếu trong hội chứng tự tỏa. Các chứng tật này ở mức trầm trọng khác nhau. Có những trẻ, có thể là trong năm đứa thì có một đứa, không bao giờ nói một lời và suốt đời câm lặng như vậy. Một số trẻ có khả năng bắt chước tiếng kêu của loài vật hoặc tiếng máy chạy, hoặc năm thì mười họa, có thể bắt chước một từ riêng biệt nhưng không tiến bộ thêm được nữa.

Số còn lại phát triển được cách nói năng nhưng rất chậm so với các trẻ bình thường. Thường các trẻ này bắt đầu bắng cách nhắc lại lời người khác nói, đặc biệt là một hoặc một số từ ở cuối câu. Chúng có thể bắt chước đúng giọng nói và ngữi điệu của người đó. Hiện tượng lặp lại các từ mà đứa trẻ không hiểu mấy về ý nghĩa, như là một thứ tiếng vang trống rỗng, như con vẹt, được gọi là **“chứng lặp lời”**. Một số trẻ lặp lại những từ hoặc những câu đã nghe thấy từ trước, kiểu này là **“chứng lặp lời chậm trễ”.** Trong một vài tình huống, chúng có thể dùng những câu đó một cách không đúng chỗ để hỏi xin một điều gì đó. Vì đứa trẻ nhắc lại đúng lời người lớn đã nói nên chúng thường đảo ngược các đại danh từ, thí dụ khi muốn uống nước giải khát, nó nói là: **“Cháu có muốn uống nước quả không?”(“Do you want juice?”** đáng lẻ phải nói là **“I want juice”)** với ngữ điệu của câu hỏi vì nó đã nghe người lớn hỏi câu này đã nhiều lần khi cho nó uống nước quả ép.

Đứa trẻ bao giờ cũng lặp lại cùng một câu nói trong một trường hợp đặc biệt nào đó vì nó đã nghe thấy lần đầu tiên như vậy. Câu nói đó có thể gắn liền với tình huống một cách hoàn toàn **“tùy tiện”.** **Kanner** đã đưa ra thí dụ về một cậu bé trai, mỗi khi trong thấy một cái gì giống như cái xoong thì lại nói: **“Peter thằng hay ăn”** vì mẹ cậu bé này có lần lỡ đánh rơi một cái xoong, đã đọc lên câu: **“Peter, thằng hay ăn ”.** Cách sử dụng các âm của từ một cách đặc biệt khiến cho người ngoài thấy rất kỳ dị, tuy cha mẹ cậu bé này thường hiểu được lý do vì sao cậu bé lại **“gắn chặt”** vào câu đó.

Giống như thể học tiếng nước ngoài, các trẻ này thường không biết sử dụng các từ liên kết như: **“trong”, “trên”, “dưới”, “trước khi”, “bởi vì”…**Chúng có thể lược bỏ hẳn các từ đó, thí dụ chúng nói là: **“đi ô tô (đến) các cửa hàng”….**Sau đó một thời gian, chúng có thể đặt các từ đó vào trong câu nhưng sử dụng không đúng, chẳng hạn nói là **“đặt cốc trong bàn”, “ngồi từ** **cái ghế”…**Các trẻ này hay bị một lỗi đặc biệt là lầm lẫn hai từ trái nghĩa với nhau hoặc sử dụng nhầm từ đi kèm vào cả hai trường hợp trái có nghĩa trái ngược nhau. Thí dụ khi muốn yêu cầu người lớn bật đèn hoặc tắt đèn chúng đều nói là: **“Bật đèn lên!”.** Người lớn thường biết rằng đứa trẻ dùng từ **“lên” (on)** để nói về một việc làm có liên quan đến ánh sáng nhưng không nắm được cụ thể nghĩa của các từ **“on” (bật lên) và “off” (tắt đi).** Tương tự như vậy, các từ thường dùng trong hai trường hợp đi đôi với nhau hay bị lần lẫn như thế. Cái bàn chải **“brush”** có thể bị chúng gọi là **“cái lược”(comb**) và cái bít tất ngắn cổ **(sock)** có thể bị goi là cái **“giày” (shoe).** Ngay cả các từ **“bố” (Daddy)** và **“mẹ” (Mummy)** cũng dùng lẫn lộn vì qua hành vi của các trẻ này, thấy rõ là chúng không phân biệt giữa cha và mẹ.

Một số trẻ này khi thành người lớn vẫn còn giữ nguyên các dị tật về cách nói năng hồi nhỏ. Một số khác có thể có tiến bộ về mặt này và có những trẻ sớm hay muộn, có được trình độ khá về ngữ pháp và có vốn từ ngữ phong phú. Có những người lớn tuy co những biểu hiện giống như trong hội chứng **Asperger** nhưng khi nhỏ không bị chậm biết nói. Tuy vậy những đối tượng này dù có cách nói năng bình thường nhưng vẫn có một loạt các vấn đề khá tinh vi. Có những người nói nhiều nhưng có chiều hướng không dùng những cách nói chuyện bình thường mà lại dùng những kiểu nói cổ xưa và **“thông thái Rởm”.** Nếu có ai hỏi điều gì, họ trả lời thật là dài dòng, đưa ra nhiều chi tiết quá mức cần thiết. Trong một đợt làm trắc nghiệm tâm lý, người ta hỏi một anh thanh niên là tại sao lại cần có ngành cảnh sát. Anh ta liền kể lại lịch sử của ngành cảnh sát. Một số loại ham thích các loại từ điển và bách khoa toàn thư và thể hiện điều này qua cách nói năng. Người ta thường nói rằng lới nói của các đối tượng này giống như kiểu máy tính dịch tiếng nước ngoài, giống như một đứa trẻ hỏi mẹ rằng **“con có thể “trích”(extract)** **một cái bánh bích quy từ trong cái hộp đựng được** **không?”.** Một đối tượng khác khi được mời uống trà, đã nói: **“Tôi mong muốn được cảm ơn** **bạn về lòng mến khách mà tôi được hưởng trong buổi chiều nay”.**

Nội dung lời nói của các đối tượng này khi biết nói thì không phải là lời nói chuyện mà là kiểu lặp lại. Họ có thể cứ tiếp tục hỏi cũng những câu hỏi mà người nghe đã trả lời rồi hoặc cứ nói một mình về những gì mà họ quan tâm riêng dù người nghe đã đáp ứng như thế nào. Một số người lớn cũng biết là kiểu nói lặp lại như thế là khó chấp nhận và cố gắng không nói kiểu đó nữa nhưng hễ có cơ hội dù nhỏ, họ không thế nào nhịn được nói về các đề tài họ ưa thích.

*2.2.2. Hiểu lời người khác nói*

Cũng như trong cách nói năng, các đối tượng này hiểu lới người khác nói với những mức độ khác nhau. Một số đối tượng không nghe hiểu được và có ai nói với họ, họ cũng không trả lời. Có vẻ như họ cũng hiểu nhiều hơn là thể hiện vì thường họ dùng mắt để tìm đầu mối của các tình huống.

Đa số có thể hiểu phần nào. Phạm vi này có thể bị hạn chế trong tên gọi của các đồ vật quen thuộc hoặc các lời chỉ dẫn trong bối cảnh lúc đó, thí dụ như: **“Đưa cái cốc của bạn** **cho tôi”** hoặc **“Lại đây uống trà!”**. Khó có thể biết được là đối tượng hiểu các từ đến mức nào hoặc là đoán ra trong tình huống lúc đó. Nếu bảo đối tượng đi ra khỏi phòng để lấy một vài đồ vật nào đó thì có thể thấy là đối tượng có hiểu được lời nói đó hay không. Một nguyên nhân gây nhầm lẫn là đối tượng không hiểu được một từ theo nghĩa ở từng trường hợp và có khó khăn khi một vật được gọi bằng nhiều tên. Một cô bé nhớ được là thức ăn của con chó Candy thì để vào **“cái đĩa của nó”.** Một hôm người lớn bảo cho con chó ăn trong cái **“bát”** của no, cô bé có vẻ lúng túng một lúc rồi bỏ thức ăn của con Candy vào cái bát vẫn dùng để rửa đĩa.

Ta có thể hình dung ra những vấn đề khó khăn khi nói đến các từ đồng âm , khác nghĩa. Thí dụ: Một bà mẹ bảo cô con gái: **“Mẹ sẽ gặp con sau bữa ăn trưa!”.** Con trai bà ta bị rồi loạn kiểu tự tỏa, nghe thấy câu nói đó, đã nhắc lại là**: “Mua thịt để ăn bữatrưa!”(meet = gặp, đồng âm với meat = thịt)** và có vẻ khoái chí vì cuối cùng mình đã nghe hiểu được một câu. Thí dụ này cũng minh họa một vấn đề khác, đó là chiều hướng chỉ đáp ứng với một hoặc vài từ trong một câu và bỏ qua phần còn lại. Khi một cô gái nghe mẹ bảo: **“Mang cho mẹ cái** **áo len chui đầu vắt trên cái ghế trong phòng ngủ của con!”.** Cô bé đi lên trên gác và một lúc sau khệ nệ bê cái ghế xuống.

Các đối tượng tự tỏa có một đặc điểm đáng chú ý là dù họ nói năng **lưu loát tới mức** **nào thì cũng chỉ hiểu theo từng chữ**. Một cậu bé khi nghe người lớn bảo: **“Lau khô cái ấm pha** **chè ở bên ngoài, không lau bên trong”** vội vàng mang cái ấm ra ngoài vườn để lau khô. Ta nên chú ý khi sử dụng các thành ngữ như: **“Khóc hết nước mắt”** **(khóc thảm thiết)** hoặc **“con đã đánh mất lưỡi à?”(sao không trả lời)** vì có khi đối tượng hiểu theo nghĩa đen sẽ buồn rầu hoặc sợ hãi. Ngay cả những đối tượng có vẻ như hiểu rõ vẫn có thể nhầm lẫn đủ kiểu. Một anh thanh niên có khả năng đi đường một mình, lần đầu tiên mua một cái thẻ đi đường, trên cái thẻ có ghi **“có giá trị để đi đường cho tới nữa đêm”.** Thế là đêm đó, đến một hai giờ sáng anh ta mới về nhà, người mệt lả vì anh ta tưởng làlời ghi trên thẻ phải thực hiện đúng nên anh ta đã đi xe điện ngầm cho tới đúng 12 giờ đêm. Trên tấm thiếp gửi tới một người bị chứng tự tỏa có ghi **“khi đi qua xin nhớ đến chơi với tôi”,** câu này chỉ là lời mời theo phép lịch sự nhưng có thể khiến cho người đó đến thăm nhiều lần vào những lúc bất tiện…Các trẻ nhỏ bị rối loạn kiểu tự tỏa khi nghe ai nói đùa thường có phản ứng không tốt vì nếu nghe hiểu được phần nào thì chúng tưởng là thật. Chúng cũng ít khi hiểu được những kiểu nói đùa dựa trên ý nghĩa **“nước đôi”** của câu nói. Chúng có thể thử nói đùa như vậy nhưng không hiểu được các cách nói đùa có ý nghĩa vui nhộn ở chỗ nào và chúng nghĩ ra những kiểu đù chẳng có gì là hay ho cả. Chúng biết làngười khác hay kể những truyện cười nhưng không hiểu tại sao.

Những đối tượng tự tỏa nào có khả năng khá hơn cả, khi đã thành người lớn có vẻ hiểu được nhiều hơn và sử dụng lời nói ở mức phức tạp hơn trong các vấn đề mà họ quan tâm. Họ có thể còn bị mắc một số sai sót sơ đẳng và thường có vẻ hiểu được những câu dài, tối nghĩa nhưng vẫn bị lầm lẫn khi nghe những câu nói thường ngày ở mức đơn giản nhất.

*2.2.3. Ngữ điệu và làm chủ lời nói*

Phần lớn các đối tượng bị rối loạn kiểu tự tỏa có kiểu ngữ điệu kỳ dị, có thể là đơn điệu hoặc đổi giọng không đúng chỗ. Các đối tượng này không làm chủ được âm lượng của giọng nói có thể nói to quá hoặc ít khi hơn, nói nhỏ quá. Giọng nói nghe có vẻ lạ tai, máy móc, như tiếng nói của **“người máy”.** Những nhược điểm này nhận thấy rõ hơn khi họ nói tự nhiên hơn là khi họ lặp lại lời người khác nói. Khi nhiều tuổi hơn, có thể sửa đổi được khá hơn.

Một số đối tượng có từng lúc sử dụng một giọng nói **“đặc biệt”**, khác với lúc nói thường. Có thể là họ bắt chước giọng ai đó mà họ đã nghe qua nhưng đôi khi cũng là thử nói bằng các giọng khác nhau. Khi các đối tượng này, cả trẻ nhỏ và người lớn nói, nhiều khi cũng phát âm ra được các từ tuy rằng một số đối tượng có khó khăn về vấn đề này, ở mức độ khác nhau.

*2.2.4. Sử dụng và hiểu cách giao tiếp không dùng lời*

Bình thường mọi người không chỉ giao tiếp với nhau qua lời nói mà còn sử dụng nhiều cách khác. Họ dùng các điệu bộ, vẻ mặt và động tác thân thể kèm theo lời nói. Tại các nước ngoài, người ta còn có thể ra hiệu để diễn đạt các nhu cầu của mình hoặc dùng các đồ vật để thể hiện. Những người điếc có thể nhìn vào môi miệng người nói hoặc dùng ngôn ngữ ra hiệu bằng bàn tay hoặc viết ra những điều mình muốn nói. Những trẻ nhỏ nào bị rối loạn về ngôn ngữ nhưng không mắc chứng tự tỏa thường giao tiếp bằng điệu bộ, vẻ mặt và bằng cách ra hiệu. Các đối tượng tự tỏa thường cũng khó sử dụng được tốt các phương pháp giao tiếp thay thế đó.

Trước khi biết nói năng phần lớn các đối tượng tự tỏa thể hiện các nhu cầu của mình bằng cách nắm lấy tay người khác, lôi kéo đi và đặt tay họ vào đồ vật muốn lấy. Phải sau mấy năm, các trẻ nhỏ mới biết cách chỉ chỏ và khi đó chúng không dùng một ngón tay mà dùng cả bàn tay. Chỉ có một số rất ít biết ra hiệu để thể hiện các nhu cầu của mình nhưng các động tác của chúng có chiều hướng vắn tắt và sơ sài hết mức.

Các điệu bộ gật đầu hoặc lắc đầu để thể hiện **“có”** hoặc **“không”** thường thể hiện ở nhiều trẻ nhưng ít khi thấy có những điệu bộ phức tạp hơn nữa. Một số người lớn cũng tới được giai đoạn khua tay khi nói nhưng các động tác này không ăn nhập gì với những điều họ nói.

Các nhà nghiên cứu, như **Makaton** chẳng hạn, đã thử nghiệm việc dạy ngôn ngữ ra hiệu bằng tay cho các đối tượng trẻ nhỏ và người lớn kém hoặc không có khả năng giao tiếp bằng lời nói. Một số các đối tượng này bắt chước được cách ra hiệu nhưng không tự mình sử dụng bao giờ. Một số khác có sử dụng cách ra hiệu nhưng không tự mình sử dụng bao giờ. Một số khác có sử dụng cách ra hiệu nhưng vẫn có các dị tật đặc thú kiểu tự tỏa như trong cách nói năng. Một số ít có khả năng sử dụng phương thức giao tiếp này một cách có hiệu quả. Tuy còn có những mặt hạn chế, việc dạy cách ra hiệu bằng tay có tác dụng tốt đối với những đối tượng không thể biểu hiện các nhu cầu của mình bằng cách nào khác.

Các trẻ nhỏ mắc rối loạn kiểu tự tỏa có nhiều khó khăn trong việc hiểu và sử dụng cách giao tiếp không dùng lời. Tuy vậy khi lớn dần, chúng cũng bắt đầu hiểu được phần nào ý nghĩa của các điệu bộ và các cách diễn đạt đơn giản. Các đối tượng này có vẻ hiểu được nhiều hơn vì có thể nhận biết thêm trong các điệu bộ của người khác cũng như trong bối cảnh giao tiếp.

**2.3. Ý nghĩa của việc phát triển ngôn ngữ và giao tiếp cho trẻ tự kỷ**

**3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ VÀ GIAO TIẾP TRẺ TỰ KỶ**

**3.1. Các giai đoạn giao tiếp**

- Giai đoạn tự phát

- Giai đoạn yêu cầu

- Giai đoạn giao tiếp sớm

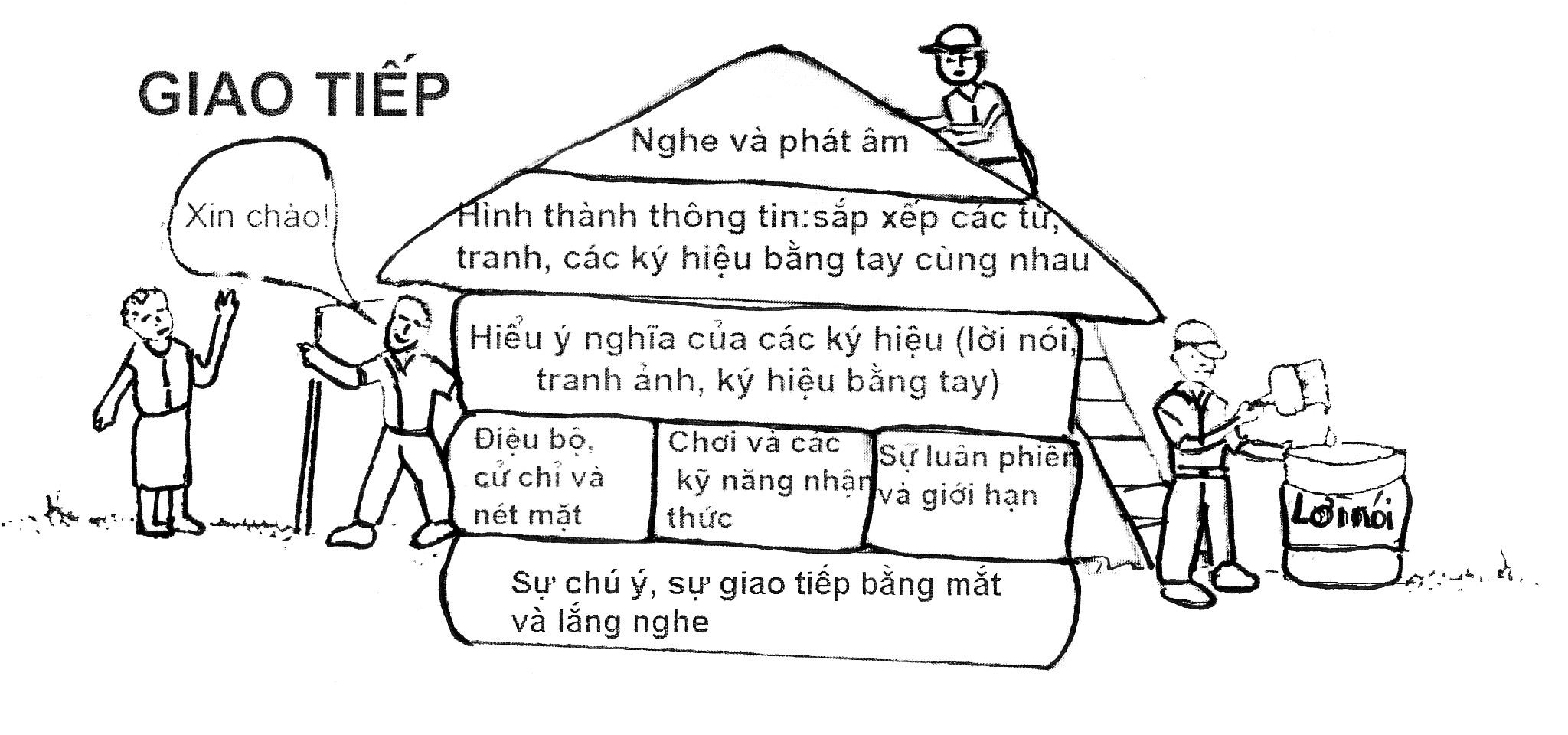
- Giai đoạn đối tác

=> Làm sao để chúng ta biết trẻ đang giao tiếp ở giai đoạn nào?

**3.2. Các kỹ năng giao tiếp sớm**

*3.2.1. Các kỹ năng giao tiếp sớm và đánh giá kỹ năng giao tiếp sớm*

3.2.1.1. Các kỹ năng giao tiếp sớm



Một đứa trẻ cần phải học nhiều kĩ năng khác nhau để giao tiếp. Những kĩ năng này bắt đầu phát triển từ khi đứa trẻ cất tiếng khóc chào đời. Chúng ta có thể ví những kĩ năng giao tiếp này như những viên gạch của một ngôi nhà. Chỉ khi những viên gạch phù hợp với cấu trúc của ngôi nhà thì những kĩ năng giao tiếp mới phát triển đồng bộ để giúp trẻ có thể giao tiếp bằng ngôn ngữ nói.

Những kĩ năng cần thiết cho sự giao tiếp, đó là:

* Kĩ năng chú ý
* Kĩ năng lắng nghe
* Kĩ năng bắt chước
* Kĩ năng luân phiên
* Kĩ năng chơi
* Cử chỉ
* Lời nói

Những kĩ năng này không phát triển độc lập với nhau mà phụ thuộc lẫn nhau. Mỗi kĩ năng theo sau từng giai đoạn phát triển của chúng.

* Sự chú ý bắt đầu phát triển khi đứa trẻ lần đầu tiên nhìn thấy khuôn mặt mẹ và phát triển thành khả năng dành thời gian tập trung vào những hoạt động đơn lẻ.
* Lắng nghe bắt đầu phát triển khi trẻ nhận ra tất cả các âm thanh và bắt đầu đáp lại chúng và phát triển thành khả năng lắng nghe một cách có lựa chọn.
* Luân phiên và bắt chước bắt đầu phát triển khi lần lượt người mẹ lặp lại những âm thanh và hoạt động của trẻ, và trẻ lặp lại điều ấy từ người mẹ. Nó phát triển thành khả năng luân phiên trong cuộc hội thoại.
* Chơi bắt đầu phát triển khi trẻ thích thú với việc tự tạo ra âm thanh và lắng nghe, nhìn và sờ khuôn mặt. Kĩ năng này phát triển thành khả năng chơi những trò chơi phức tạp hơn cùng với những quy tắc.
* Cử chỉ bắt đầu phát triển khi đứa trẻ khóc và vặn vẹo cơ thể mình và người mẹ đáp ứng. Sau này kĩ năng này phát triển thành khả năng sử dụng những cử chỉ điệu bộ đa dạng hơn, tinh vi hơn.
* Lời nói bắt đầu phát triển khi đứa trẻ tạo nên những tiếng “gừ, gừ” và bập bẹ, sau đó phát triển thành khả năng nói thành từ và câu một cách rõ ràng.

3.2.1.2. Các cách thức trẻ học giao tiếp

Nhiều người nghĩ rằng chỉ khi lên 3 tuổi trẻ mới học nói. Nhưng thực ra trẻ học ngôn ngữ và giao tiếp ngay từ khi mới chào đời. Ngay từ khi lọt lòng, qua sự tiếp xúc trực tiếp với mẹ, trẻ được tạo cảm giác an toàn và bắt đầu học giao tiếp khi được mẹ âu yếm trò chuyện. Tiếng khóc là phương tiện đầu tiên để trẻ giao tiếp với mọi người xung quanh. Bé khóc khi đang đói, mệt, khó chịu trong người.... và người lớn đáp lại tiếng khóc ấy bằng tình yêu thương, chăm sóc như cho bé ăn, ru bé ngủ, xoa nắn giúp bé thư giãn... Với sự chăm sóc, quan tâm của người mẹ và những người lớn xung quanh, trẻ bắt đầu phát triển nhu cầu giao tiếp. Sau đó, trẻ dần dần học nghe và học nói. Thông qua việc hàng ngày tương tác với những người xung quanh, trẻ phát triển những kĩ năng giao tiếp.

Sau đây là một số cách trẻ nhỏ học giao tiếp:

- Trẻ học giao tiếp qua việc nhận những đáp ứng của người lớn: Khi trẻ khóc, người lớn nghĩ rằng trẻ đang cần ăn, ngủ hoặc một điều gì đó và người lớn đáp lại bằng việc cho bé ăn, cho bé ngủ... Từ đó, trẻ biết rằng mỗi khi khóc thì sẽ được đáp ứng. Tiếng khóc là phương tiện giao tiếp đầu tiên của trẻ với người lớn xung quanh. Dần dần trẻ bập bẹ, rồi biết nói lên những điều mình mong muốn với người lớn.

- Trẻ học qua việc giao tiếp với người khác: Trẻ cần có ai đó để giao tiếp. Nếu trẻ không có người nào để trao đổi tư tưởng, tình cảm.... thì nhu cầu giao tiếp sẽ ngày càng giảm đi và trẻ sẽ không phát triển được kĩ năng giao tiếp. Qua việc tiếp xúc, trò chuyện với người lớn xung quanh (ông, bà, bố, mẹ, anh chị em, cô giáo...), với bạn cùng trang lứa, trẻ có cơ hội học hỏi và phát triển những kĩ năng giao tiếp.

- Trẻ học qua việc thích thú giao tiếp với người khác.

- Trẻ học bằng việc nhắc lại các từ ngữ trong những tình huống có ý nghĩa khác nhau. Ví dụ như trẻ nói “ôtô” khi nhìn thấy ô tô đang đi trên đường, khi trẻ đang chơi với ô tô đồ chơi, khi trẻ đang đi trên ô tô... Qua việc nhắc lại những từ mới trong những hoàn cảnh khác nhau sẽ giúp trẻ sử dụng từ tốt hơn, biết ý nghĩa của từ một cách sâu sắc hơn và học được cách giao tiếp trong những tình huống khác nhau...

- Trẻ học qua việc nghe và nhìn những sự việc đang diễn ra. Qua việc nói hay diễn giải những điều đang xảy ra, người lớn sẽ giúp trẻ học giao tiếp tốt hơn. Ví dụ như “Mẹ đang nấu cơm”, “Bố đang xem ti vi”, “Nhìn kìa, xe buýt kìa”....

- Trẻ học bằng việc trải nghiệm ngôn ngữ trong những tình huống có ý nghĩa. Ví dụ, người mẹ cho trẻ uống sữa và nói “con trai đang uống sữa”, hay lúc mặc quần áo cho trẻ, người lớn có thể nói “nào, con xỏ tay vào ống tay áo nào”, hay lúc tắm (“chúng ta xoa xà phòng khắp người nhé”)...

3.2.1.3. Đánh giá kỹ năng giao tiếp sớm

Đối với những trẻ chưa có ngôn ngữ nói, một trong những lý do khiến trẻ chậm trễ trong việc phát triển ngôn ngữ nói là do các kỹ năng giao tiếp sớm của trẻ chưa được hình thành, để đánh giá kỹ năng giao tiếp sớm của trẻ, cha mẹ có thể quan sát các biểu hiện sau đây của con mình:

- Trẻ có thích thú với việc nhìn vào mặt người khác khi người đó nói chuyện với trẻ không?

- Trẻ có khả năng xây dựng chú ý chung với người khác không?: khi trẻ muốn lấy một đồ vật, trẻ có nhìn vào đồ vật, rồi nhìn vào người chăm sóc, rồi lại nhìn vào đồ vật cho tới khi người chăm sóc nhận ra mong muốn của trẻ?

- Trẻ có biết chơi các trò chơi phù hợp với độ tuổi không?: chơi cảm giác, chơi chức năng, chơi tưởng tượng.

- Trẻ có thích thú với việc chơi cùng người lớn, có biết chơi cùng trẻ khác không?

- Trẻ có biết đợi đến lượt khi chơi không? Với các trò chơi đơn giản (lăn bóng, đẩy xe).

- Biểu hiện cảm xúc bằng nét mặt của trẻ có phong phú không? Tức giận, vui vẻ, hờn dỗi, phỉnh nịnh…

- Trẻ có phát ra các âm như bập bẹ khi người khác nói chuyện với trẻ không?

- Trẻ có thể hiện mong muốn, cố gắng (bắt chước hình miệng nhưng chưa thành tiếng) âm thanh, lời nói khi người khác nói chuyện với trẻ không?

*3.2.2. Đánh giá ngôn ngữ tiếp nhận và ngôn ngữ diễn đạt*

Trong nhiều cách phân loại về ngôn ngữ, người ta có thể phân loại ngôn ngữ thành ngôn ngữ tiếp nhận và ngôn ngữ diễn đạt. Bảng dưới đây thể hiện mô hình sự phát triển ngôn ngữ và có thể cung cấp một hướng dẫn hữu ích khi làm việc với trẻ có khó khăn về ngôn ngữ.

|  |
| --- |
| Ngôn ngữ tiếp nhận  *12 - 18 tháng*  Chỉ những đồ vật tương ứng khi được hỏi, ví dụ “Gấu đâu?”, “Ô tô đâu?”...  Làm theo các hướng dẫn đơn giản, ví dụ: Mặc áo khoác vào, Đóng cửa lại...  Chỉ được tóc, tay, giầy ... của búp bê.  Nhận biết được công dụng của một số đồ vật đơn giản. Ví dụ: lược để chải đầu. |
| 2-3 tuổi  Hiểu chức năng của đồ vật và có thể xác định các đồ vật đơn giản bằng công dụng. Ví dụ: “Chúng ta cắt bằng gì?”  Hành động theo yêu cầu đơn giản với 2 từ chính. Ví dụ: “Đặt chiếc hộp lên ghế”  Có thể ghép vật với tranh.  Có thể liên hệ ý nghĩa với đồ vật mô hình |
| 3 tuổi  Hành động theo hướng dẫn 3 - 4 từ chính. Ví dụ: “Đặt cuốn sách dưới ghế; Để con gấu lên giường...  Hiểu khái niệm to/ nhỏ/trong/ trên/dưới.  Hiểu một vài sự kiện ở quá khứ và tương lai.  Hiểu thuộc tính của đồ vật. Ví dụ: Người đàn ông nào có chiếc mũ to nhất?  Lắng nghe một câu chuyện dài. |
| 4 tuổi  Hiểu ngay những sự kiện ở hiện tại, thể hiện sự phát triển hơn về việc hiểu câu mô tả sự kiện trong quá khứ và tương lai.  Hành động thao hướng dẫn nhiều hơn 4 từ chính. Ví dụ: Để cái bút chì màu đỏ vào trong cái hộp nhỏ.  Hiểu các khái niệm như đằng sau/ phía trước và dài/ ngắn  Có thể phân biệt một số màu sắc. |
| 5 tuổi  Có thể hiểu cuộc hội thoại hàng ngày.  Hiểu và làm theo những hướng dẫn phức tạp.  Khái niệm thời gian bắt đầu phát triển. Ví dụ “hôm nay”, “hôm qua”, ngày mai”. |

**Ngôn ngữ diễn đạt**

|  |
| --- |
| 12 - 18 tháng  *Nói* được 2 - 20 từ có nghĩa  Sử dụng một từ để diễn tả toàn bộ ý tưởng.  Có thể nói nhại lời, ví dụ nói nhại từ cuối hoặc từ được nhấn mạnh trong câu nói của người lớn với trẻ.  *Chỉ* vào những vật mình mong muốn. |
| 2 - 3 tuổi  Từ vựng tăng lên hơn 200 từ nhưng lời nói sẽ thể hiện sự non nớt về cấu trúc câu hoặc phát âm.  Hỏi các câu hỏi cái gì, ai  Dùng những câu đơn giản gồm 2 - 3 từ. Ví dụ: Bố đá bóng, Con tắm |
| 3 - 4 tuổi  Câu nói phức tạp hơn: dùng giới từ, tính từ, phụ từ, sử dụng câu mô tả về các sự kiện trong quá khứ.  Bắt đầu hỏi: Tại sao; Khi nào; Ai.  Có thể tham gia những cuộc hội thoại đơn giản  Có thể nói về các sự kiện gần đây.  Có thể đọc thuộc lòng bài thơ hoặc những vần điệu đơn giản.  Chơi tưởng tượng và bình luận về điều đang xảy ra.  Lời nói có thể không trôi chảy |
| 4 - 5 tuổi  Câu có cấu trúc ngữ pháp đúng và dễ hiểu.  Mắc một số lỗi thay thế trong phát âm (ví dụ canh - căn)  Có thể đưa ra sự kết nối các sự kiện gần đây.  Biết sự thay đổi của ngữ điệu và sự điệp âm/ điệp vần.  Thường hỏi các câu hỏi tại sao/ cái gì/ ở đâu/ khi nào/ như thế nào?  Thích hỏi về ý nghĩa của các từ. |
| 5 tuổi  Lời nói trôi chảy, đúng ngữ pháp và phát âm đúng.  Thích hát và lặp lại những vần điệu êm ái.  Luôn hỏi về ý nghĩa của từ trừu tượng và thích dùng chúng.  Thích truyện cười và những câu đố. |

**Lập mục tiêu can thiệp ngôn ngữ**

Việc xác lập mục tiêu phát triển ngôn ngữ không thể chỉ dựa vào kết quả đánh giá khả năng ngôn ngữ tiếp nhận và ngôn ngữ diễn đạt của trẻ. Việc lựa chọn mục tiêu can thiệp cũng như lựa chọn các bài dạy (bao gồm nội dung, phương pháp) còn phụ thuộc vào các đặc điểm cá nhân: sở thích, dạng tật, thế mạnh… của trẻ.

Cơ sở xây dựng mục tiêu phát triển ngôn ngữ:

- Mức độ phát triển ngôn ngữ hiện tại của trẻ.

- Triển vọng phát triển ngôn ngữ

- Kỳ vọng của gia đình

Thông thường, các giáo viên và phụ huynh thường quan tâm xây dựng các mục tiêu phát triển ngôn ngữ sau đây:

- Phát triển các kỹ năng giao tiếp sớm: chủ yếu với các trẻ chưa có ngôn ngữ nói, nhỏ tuổi.

- Phát triển ngôn ngữ: chuyển tiếp từ giai đoạn phi ngôn ngữ sang sử dụng ngôn ngữ nói.

- Phát triển vốn từ có nghĩa: với các trẻ đã bắt đầu sử dụng ngôn ngữ nói.

- Điều chỉnh các lệch lạc ngôn ngữ: nói câu vô nghĩa, nhại lời…

- Sử dụng hệ thống thay thế ngôn ngữ nói (tranh ảnh, ký hiệu): với những trẻ không phát triển ngôn ngữ nói.

- Phát triển ngôn ngữ mức độ cao: đọc và viết.

**3.3. 12 bước giúp trẻ phát triển ngôn ngữ**

**Bước 1. Giúp trẻ xây dựng mối quan hệ gắn bó**

Phụ huynh cần giúp trẻ hình thành mối quan hệ gắn bó với mình trong việc gần gũi với trẻ, cùng chơi đùa, cùng ăn uống, cùng trò chuyện với sự thân thiện và tôn trọng trong một môi trường an toàn và vui vẻ.

Phụ huynh nên khám phá những mặt mạnh, những điểm tích cực của trẻ để khuyến khích, nâng đỡ chứ không lèo lái các hoạt động của trẻ theo ý mính, không “ xâm phạm lãnh thổ cá nhân” của trẻ. Tuyệt đối không la mắng, trừng phạt bằng đòn roi mà chỉ là sự nhắc nhở rõ ràng và kiên quyết.

**Bước 2. Giúp trẻ biết các bầy tỏ nhu cầu:**

Phụ huynh cần kiên nhẫn chờ đợi, khích lệ trẻ bầy tỏ nhu cầu thay vì phỏng đoán và đáp ứng ngay (làm thay cho trẻ). Những hành vi bùng nổ, la hét, tự hành hạ (đập đầu, cào cấu, nằm lăn ra đất…) cũng chỉ là một loại “ngôn ngữ không lời” che dấu một nhu cầu, một ước muốn. Phụ huynh nên hết sức bình tĩnh để phân biệt các nhu cầu thực sự và những đòi hỏi, nhõng nhẽo quá đáng của trẻ. Cho trẻ biết đâu là sự giới hạn, sự cho phép và những điều không được phép làm với một ngôn ngữ không đe dọa hay mua chuộc.

Phải biết nói KHÔNG với những yêu cầu không thích hợp, nhưng đồng thời cũng cho trẻ có thể TỪ CHỐI bằng lời nói hay những hành động đơn sơ của mình, và cũng thông báo điều này cho mọi người có liên hệ với trẻ. Điều này sẽ giúp trẻ từ từ trở nên một chủ thể sáng tạo, biết tự quyết định, chọn lựa thay vì chỉ có những phản ứng máy móc, tự động, chỉ biết nhắc lại.

**Bước 3. Giúp trẻ tham gia các hoạt động Tâm vận Động:**

Trong một ngày, trẻ cần có một khoản thời gian nhất định ( tuỳ điều kiện để bố trí vào buổi sáng hay chiều, tối và chỉ kéo dài tối đa 60 – 90 phút ) – Trong buổi sinh hoạt này, trẻ sẽ vừa chơi vừa học bằng những họat động tạo vui thú như leo trèo, nhảy, xây dựng – phá hủy ( mô hình – khối gỗ…) trốn tìm ( chơi bịt mắt – chơi tìm và đoán các đồ vật bị che dấu).

Qua các trò chơi tương tác giữa mẹ và con, trẻ học được cách chờ đợi ( lần lượt làm, đến phiên mình) qua đó cũg biết luôn về giá trị của thời gian, biết phân biệt trước, sau. Hoạt động này giúp trẻ giải tỏa ức chế, phóng ngoại và xây dựng ý thức về bản thân, tạo điều kiện cho trẻ biết chọn lựa, vui thú và hành động tự chủ.

**Bước 4. Trò chơi “Bập bẹ - líu lo” vận dụng các cơ quan phát âm của trẻ:**

Phụ huynh khích lệ trẻ tự nói, dù chỉ là những tiếng bập bẹ, líu lo. Hãy xem đó như một trò chơi, khi trẻ nói phụ huynh sẽ bắt chước nói lại với những âm thanh tương tự, nhưng sẽ có những điều chỉnh và mở rộng hơn. Phụ huynh cũng có thể thu băng các lời nói của trẻ và sau đó phát lại cho trẻ nghe, điều này sẽ khích lệ trẻ phát âm nhiều hơn.

**Bước 5. Lặp lại một số âm thanh và từ ngữ có mặt trong ngôn ngữ bình thường:**

Sau khi trẻ đã phát ra nhiều âm thanh trong lúc vui đùa, người lớn chọn lọc những âm thanh nào tương tự, gần giống với những từ phổ biến hàng ngày để nhắc lại cho trẻ ghi vào bộ nhớ.

Ví dụ : trẻ nói :Mờ, mờ - Người lớn: Má , trẻ: Bờ bờ - Người lớn: Ba, Trẻ: Chờ, chờ - Người lớn: Chơi, trẻ: Cờ cờ - Người lớn: Con.

Hoạt động này giúp trẻ biết cách phát ra ngôn ngữ bình thường. Tập cho trẻ phát ra những câu có 2 từ : ba về, đi chơi, cho con, cho má…

**Bước 6. Giúp trẻ biết cách lắp ráp, kết hợp và sắp xếp các dụng cụ, hình ảnh và ngôn từ lại với nhau:**

Phụ huynh xếp đặt một số mẫu trước mặt trẻ và bảo trẻ làm lại giống như mình: Xếp ly vào một chỗ, xếp đĩa lại với nhau, xếp hình các con vật giống nhau cạnh nhau, xếp từ ghi tên đồ vật, con vật vào dưới ảnh của đồ vật hay ảnh con vật đó.

***Cho trẻ xếp theo trình tự:***

1/ Hình thể và màu sắc hoàn toàn giống nhau.

2/ Đồ vật và hình ảnh có màu sắc – kích thước tương tự

3/ Đồ vật và hình ảnh có màu sắc và kích cỡ khác nhau

4/ Chữ và hình đồ vật ( chữ GẤU dưới hình con Gấu)

***Sắp xếp theo công dụng:***

1/ Các dụng cụ học tập ( viết, tập, gôm…)

2/ Các dụng cụ làm bếp, các dụng cụ trong phòng khách, phòng ăn…

***Sắp xếp theo khu vực hoạt động:***

1/ Các sinh vật trên trời, dưới biển, trong rừng

2/ Các đồ vật ở nhà, trong Siêu thị, ngoài đường phố.

**Bước 7. Giúp trẻ nghe và hiểu một số từ thông thường, qua việc thi hành những mệnh lệnh đơn sơ:**

Bước đầu tập cho trẻ đi lấy những món đồ chơi, những đồ dùng hàng ngày, sau đó thông qua hình ảnh, nâng cao vốn từ cho trẻ để trẻ có thể nhận ra và chỉ từ 25 – 100 món đồ.

**Bước 8. Giúp trẻ gọi tên từ 25 – 100 đồ dùng và các hoạt động thường ngày:**

Thông qua các hình ảnh, trò chơi và các hoạt động hàng ngày để tạo điều kiện và khuyến khích trẻ có thể gọi tên các đồ vật và hoạt động hàng ngày.

**Bước 9. Giúp trẻ hiểu biết và nói về các hoạt động trong gia đình:**

Xây dựng một lịch hoạt động để trẻ ý thức được các hoạt động trong ngày, biết và xác định được các thời điểm ( trước/sau) các công việc nối tiếp để tạo sự ổn định tâm lý cho trẻ.

Lịch hoạt động ghi lại những hoạt động chính trong 1 ngày ( từ sáng đến tối) và trong 1 tuần ( từ thứ 2 – chủ nhật) bằng các hình vẽ đơn giản và lời minh họa ngắn gọn.

**Bước 10. Biết trả lời các câu hỏi :**

Giúp trẻ phát triển khả năng hình dung và tưởng tượng thông qua các câu hỏi gợi ý : Cái gì, ở đâu, thế nào, để làm gì, khi nào …

Nếu trẻ trả lời đúng phải khen ngợi, động viên – Nếu trẻ trả lời sai thì bỏ qua và nhắc lại câu hỏi. Đừng hỏi nhiều và tản mạn, cần tập trung vào một chủ đề ( Ví dụ: các loại bánh – các loại đồ dùng trong nhà bếp/phòng ăn/phòng ngủ)

**Bước 11. Giúp trẻ nhận biết và sử dụng chữ và số:**

Thông qua các trò chơi kết hợp hình ảnh và chữ viết

Khi tập cho trẻ nhận biết về con số, không phải là biết nhìn ra từ số 1 -10 hay đọc được đến 100, mà là biết rõ số lượng ( hai cái bánh, hai cái chén, hai con vịt…ba cái ly ) và mối tương quan ( hai cái ly thì nhiều hơn một cái ly ) – Khi được yêu cầu, trẻ có khả năng lấy ra 2,3 hình cái ly trong một loạt các hình bầy trước mắt.

Trẻ có thể ghép được chữ Bàn ở dưới hình cái bàn.

**Bước 12. Xây dựng mối quan hệ tốt với trẻ và giúp trẻ biết chơi đùa với bạn bè**

  Chơi đùa là một hoạt động rất quan trọng, qua các trò chơi trẻ có thể thiết lập mối quan hệ tốt với bố mẹ và bạn bè. Ngay cả trong các hoạt động hàng ngày cũng nên đưa vào những câu nói và ý tưởng như một trò chơi ( Đố con lấy được cho mẹ hai cái chén sứ trong tủ chén – Đố con lên cầu thang trước mẹ …)

Trong các ngày nghỉ, Lễ Tết, sinh nhật hãy tạo điều kiện cho trẻ đến chơi các công viên, khu vui chơi hay mời các trẻ quen biết lại nhà chơi..

**3.4. Một số kĩ thuật khắc phục chứng nhại lời, nói ngọng, nói từ rỗng**

- Nhại lời

- Nói ngọng

- Nói từ rỗng

**4. MỘT SỐ TRÒ CHƠI PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ & GIAO TIẾP TRẺ TỰ KỶ**

**4.1. Tầm quan trọng của trò chơi trong quá trình phát triển của trẻ**

Chơi hình thành nên những cơ sở cho việc học của trẻ sau này. Trẻ học được những kỹ năng mới thông qua việc chơi và luyện tập những kỹ năng mà trẻ học trước đó. Khi chơi trẻ học cách thăng bằng, học đi lại và sử dụng tay của mình một cách thành thạo, trẻ học khám phá môi trường, tham gia vào một nhiệm vụ, học bắt chước, học tưởng tượng và chơi những trò chơi có luật khác nhau. Chơi thường là một hoạt động vui thích, hầu hết trẻ em đều muốn tham gia. Việc sử dụng trò chơi trong quá trình giáo dục là một xu thế tất yếu hiện nay bởi lẽ:

*Thứ nhất,* trò chơi kích thích được sự hứng thú trí tò mò óc tưởng tượng và sáng tạo của trẻ. Bất kỳ lứa tuổi nào hoạt động chơi cũng làm cho trẻ phấn chấn.

*Thứ hai*, qua trò chơi giúp trẻ ghi nhớ kiến thức của bài học một cách có hệ thống, có chủ đích nên nội dung ghi nhớ sẽ lâu bền hơn.

*Thứ ba*, các kỹ năng của trẻ được phát triển đầy đủ thông qua các hoạt động chơi:

- Kỹ năng giao tiếp: Chia sẻ và bộc lộ ý nghĩ của mình với mọi người xung quanh.

- Kỹ năng nhận thức: Phân biệt kích thước, khối lượng, trọng lượng, không gian…

- Kỹ năng xã hội: Học được các luật lệ, hành vi cư xử thích hợp.

- Kỹ năng cảm xúc: thể hiện trạng thái vui buồn, sung sướng, tự hào, tức giận…

- Kỹ năng sáng tạo: Thể hiện được ý nghĩ và ý thích, cách làm riêng của mình..

- Kỹ năng vận động tinh: Thể hiện sự khéo léo, nhẹ nhàng khi hoạt động.

- Kỹ năng vận động thô: Phát triển kỹ năng vận động toàn than.

**4.2. Các mốc phát triển kỹ năng chơi của trẻ bình thường**

*Giai đoạn 1*:

- Hầu hết là sử dụng tay và mặt, tiếp xúc bằng mắt.

- Với đồ vật.

- Trẻ cử động để đáp ứng. Thích thú với những trò chơi có tính xã hội, vận động cơ thể.

*Giai đoạn 2:*

- Cho và nhận đồ vật. Thích đập tay mình vào tay người khác.

- Với, lắc, đập, khám phá đồ vật

- Nhìn khi đồ vật biến mất.

- Đứng, đung đưa.

*Giai đoạn 3*:

* Thích các trò chơi lặp lại.
* Đẩy, làm rơi, ném đồ vật.
* Chơi với 2 đồ vật, chơi giả vờ đơn giản.
* Kéo đồ chơi

*Giai đoạn 4*:

* Bắt chước người lớn làm việc nhà, chơi với các trẻ khác.
* Xếp gạch làm nhiều mô hình khác nhau.
* Vẽ, xuyên vòng…
* Đá, ném bóng.

*Giai đoạn 5*:

* Chơi các trò chơi có luật, tham gia chơi nhóm
* Làm tốt một số hoạt động như: Xếp hình, ghép hình.
* Nhảy lò cò, nắm được bóng to.
* Dựng các câu chuyện từ đồ chơi.
* Giả vờ mặc quần áo cho búp bê.

**4.3. Ảnh hưởng của hội chứng tự kỷ đến sự phát triển kỹ năng chơi của trẻ**

Chơi không tự nhiên, không tưởng tượng, ít hợp tác, hay lặp lại một động tác …

Trẻ tự kỷ thường thích một đồ chơi nào đó hoặc một hành động nào đó một cách đặc biệt. Chúng chỉ quan tâm đặc biệt đến thứ mà chúng thích, còn những thứ khác thì chúng không quan tâm mặc dù để ngay bên cạnh chúng. Chúng có thể chơi hàng giờ với những thứ chúng thích mà không chán và không cần để ý đến những gì xung quanh, thậm chí nếu chúng ta có ngồi ngay trước mặt chúng. Có những đứa trẻ không chơi đồ chơi mà chỉ cầm một vật gì đó mà nó yêu thích, thỉnh thoảng đưa lên ngắm nghía suốt cả ngày, có trẻ cứ cầm đồ chơi là xoay tròn, có những đứa sắp xếp đồ chơi theo một trật rự nào đó., có trẻ bị cuốn hút bởi các vật chuyển động. Điều quan trọng là khi đã bị vật hoặc hành động nào đó thu hút thì không mấy khi chúng có phản ứng với mọi thứ ở xung quanh. Bởi vậy việc tiếp cận với chúng là rất khó khăn.

Nếu trẻ bình thường rất thích chia sẻ và chơi với người khác thì điều này ngược lại ở trẻ tự kỷ. Chúng không có nhu cầu chia sẻ và chơi với người khác. Chúng thích chơi trong thế giới riêng của chúng và không thích có bất cứ sự can thiệp nào. Bản thân trẻ tự kỷ cũng không có mối quan tâm đến nhau. Bởi vậy, chúng không thích thú khi phải tham gia vào các hoạt động chơi nhóm. Việc tăng cường các hoạt động nhóm là quan trọng với trẻ tự kỷ để trẻ có khả năng hòa nhập và hiểu được luật giao tiếp.

**4.4. Những yêu cầu chung khi tổ chức trò chơi cho trẻ tự kỷ**

- Lựa chọn trò chơi phù hợp với độ tuổi và khả năng thực tế của trẻ.

- Chuẩn bị dụng cụ chơi: Dụng cụ phải phù hợp với nội dung, với điều kiện và hoàn cảnh hiện tại của trẻ.

- Sắp xếp dụng cụ, địa điểm chơi: Dụng cụ, điạ điểm phải thuận tiện cho các hoạt động chơi.

- Giải thích cách chơi, nguyên tắc chơi, luật chơi.

- Tiến hành chơi theo một quy định , trình tự đảm bảo duy trì hoạt động chơi, kích thích lôi cuốn trẻ tham gia tích cực.

**4.5. Tổng hợp một số trò chơi**

**(Xem phần phụ lục 2)**

**PHỤ LỤC 1:**

**BẢNG KIỂM TRA**

**KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG – TƯ DUY**

**TRẺ TỪ 1 – 3 TUỔI**

MỨC PHÁT TRIỂN ĐẠT ĐƯỢC: ....

Lưu ý: A: Mức độ tốt, thường xuyên

B: Mức độ trung bình, thỉnh thoảng

C: Mức độ kém, ít khi hay không làm được.

QUAN HỆ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hành động của trẻ** | **A** | **B** | **C** |
| 1 | Đáp ứng hay có phản ứng với sự hiện diện hay giọng nói của người quen. |  |  |  |
| 2 | Có thể mỉm cười/ cười to để thể hiện sự hài lòng |  |  |  |
| 3 | Có thể chỉ được vật hay hoạt động mà trẻ không thích |  |  |  |
| 4 | Biết cách gây ra sự chú ý ( gây ồn ào, dơ tay ) |  |  |  |
| 5 | Biết nhìn theo hướng tay chỉ của người lớn |  |  |  |
| 6 | Biết chỉ tay vào những vật mà trẻ thích ( ở nhà /ngoài phố) |  |  |  |
| 7 | Có thể làm các trò chơi lần lượt ( vỗ tay hay xếp hình khối) |  |  |  |

CHÚ Ý

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hành động của trẻ** | **A** | **B** | **C** |
| 1 | Có thể nhìn mọi người nói chuyện / chơi mà không xen vào |  |  |  |
| 2 | Biết nhìn các vật di chuyển |  |  |  |
| 3 | Có thể nhìn vào mặt người đối diện khi trò chuyện |  |  |  |
| 4 | Có thể xem sách hình cùng với mẹ/ cô giáo |  |  |  |
| 5 | Có thể phân biệt được 2 -3 vật ( hình ảnh) khác nhau |  |  |  |
| 6 | Có thể lấy ra được 1 vật trong một nhóm đồ vật ( bằng hình) |  |  |  |
| 7 | Có thể phân biệt được độ lớn/nhỏ giữa 2 vật. |  |  |  |

BẮT CHƯỚC

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hành động của trẻ** | **A** | **B** | **C** |
| 1 | Có khả năng bắt chước, lập lại các động tác đơn giản |  |  |  |
| 2 | Có khả năng bắt chước những động tác mới |  |  |  |
| 3 | Có khả năng bắt chước các động tác làm với đồ vật |  |  |  |
| 4 | Có khả năng nhớ và làm lại các động tác đã xem qua sau một khoảng thời gian |  |  |  |
| 5 | Có thể nhớ và làm một yêu cầu sau khi trẻ đã làm một vài hoạt động ( VD: Sau khi ăn, trẻ có thể đi lấy cái cặp cho mẹ ) |  |  |  |

NHẬN BIẾT

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hành động của trẻ** | **A** | **B** | **C** |
| 1 | Có thể nhận biết một món đồ mà trẻ muốn lấy |  |  |  |
| 2 | Có thể nhận ra hình ảnh một món đồ trong những hình ảnh có trước mặt theo yêu cầu ( lấy cho mẹ hình cái ly.) |  |  |  |
| 3 | Có thể lấy ra đúng món đồ theo yêu cầu |  |  |  |
| 4 | Có thể lấy ra một món đồ đúng theo kích thước của nó giữa các món đồ giống nhau ( Lấy cho mẹ cái ly lớn nhất ) |  |  |  |
| 5 | Có thể chỉ vào món đồ đúng với vị trí của nó trong một bức tranh có nhiều thứ . |  |  |  |
| 6 | Có thể nhận biết số lượng ( lấy cho mẹ 2 cái ly) |  |  |  |
| 7 | Có thể nhận biết điểm khác nhau giữa các đồ vật cùng loại |  |  |  |

PHÂN LOẠI

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hành động của trẻ** | **A** | **B** | **C** |
| 1 | Có thể lấy ra hai hình giống nhau trong những tấm hình có trước mặt. |  |  |  |
| 2 | Có thể lấy ra hai hình giống nhau |  |  |  |
| 3 | Có thể xếp các hình giống nhau vào một nhóm |  |  |  |
| 4 | Có thể xếp các hình cùng loại ( trái cây, con thú ) vào với nhau |  |  |  |
| 5 | Có thể xếp và phân loại từ 2 - 3 nhóm hình cùng loại ( Nhóm trái cây, con thú, đồ vật ) |  |  |  |
| 6 | Có thể xếp các hình ( thú vật, đồ dùng…) có cùng kích thước vào một nhóm |  |  |  |
| 7 | Có thể xếp các hình khác nhau nhưng cùng kích thước vào một nhóm. |  |  |  |

CÁC KHẢ NĂNG KHÁC :

**Nhận xét :**

Từ 15 – 20 điểm A: Phát triển khá -

Từ 05 – 15 điểm A: Phát triển trung bình

Từ 15 – 20 điểm B: phát triển trung bình

Từ 05 – 15 điểm B: Phát triển kém

Từ 15 – 20 điểm C: Chậm phát triển

Chỉ có các điểm B và C: cần có phương pháp giáo dục riêng.

Lưu ý: Đây chỉ là các nhận xét tổng quát, cần tham khảo thêm ý kiến chuyên gia và có sự phối hợp chặt chẽ với nhà chuyên môn để cùng xây dựng kế hoạch chăm sóc thích hợp

PHỤC LỤC 2:

Trò chơi vận động

**Mục đích:**  
Tập nói câu văn vần và kết hợp vận động của ngón tay tạo thành các hình khác nhau.  
**• Hướng dẫn:**  
Trẻ ngồi (đứng) tự do thoải mái trên sàn, giơ tay phải ra trước mặt. Cô nói kết hợp làm động tác để trẻ bắt chước làm theo:  
- Một ngón duỗi thẳng thành đường (Giơ ngón trỏ tay phải thẳng ra phía trước, các ngón khác nắm vào lòng bàn tay).  
- Hai ngón duỗi thẳng thành hình gì đây? (Chạm đầu ngón trỏ tay trái vào đầu ngón trỏ tay phải, các ngón khác nắm vào lòng bàn tay)  
- Ba đường thẳng làm thành hình tam giác (Chạm đầu ngón trỏ tay trái vào đầu ngón trỏ tay phải của hình trên, hai ngón cái kê chồng lên nhau thành một cạnh của tam giác, các ngón khác nắm vào lòng bàn tay).  
- Bốn đường thẳng làm thành hình vuông. (Chạm đầu ngón trỏ tay trái vào đầu ngón trỏ tay phải của hình trên, hai đầu ngón cái chạm vào nhau tạo thành hình vuông, các ngón khác nắm vào lòng bàn tay.)

**Mục đích**  
- Hiểu được đặc điểm của ngôi nhà.  
- Tập nói câu văn vần và kết hợp vận động phù hợp.

**• Hướng dẫn**  
Trẻ đứng thoải mái trên sàn nhà, nghe, quan sát, đọc theo và làm các động tác cùng cô  
- Mái nhà che nắng che mưa (Giơ hai tay lên trên đầu, các ngón tay đan vào nhau tạo thành hình mái nhà).  
- Bức tường cao ngất chắn mưa tối ngày. (Hai tay giơ thẳng lòng bàn tay quay vào trong song song với nhau.)  
- Cửa xinh hứng nắng vào nhà (Hai ngón cái và hai ngón trỏ chụm vào nhau tạo thành hình khuông cửa).  
- Cửa rộng để mở ra vào tự do (Hai tay đưa sang hai bên, gập khuỷu tay tạo thành hình vuông, bàn tay giơ thẳng xoay vào phía trong).  
- Ống khói vươn thẳng lên cao. (Giơ cao cánh tay phải lên trên đầu)

**MOI NGUOI TRONG NHA TOI**

**Mục đích:**  
- Tập nói câu ngắn giới thiệu mọi người trong gia đình  
- Làm động tác phát triển cơ nhỏ của các ngón tay.

**• Hướng dẫn**  
Trẻ ngồi thoải mái trên sàn nhà, nghe, quan sát, đọc và làm các động tác cùng cô.  
- Gia đình tôi có 5 người tất cả (Giơ bàn tay và xòe năm ngón ra)  
- Đây là bà (Gập ngón tay cái)  
- Đây là ông (Gập ngón tay trỏ)  
- Đây là cha (Gập ngón tay giữa)  
- Đây là mẹ (Gập ngón tay đeo nhẫn)  
- Còn bé xinh út ít nhất nhà (Vẫy vẫy ngón út).  
Hoặc có thể nói:  
- Cả nhà tôi sống thật hạnh phúc (Giơ tay phải ra trước mặt, các ngón gập xuống lòng bàn tay).  
- Mẹ tôi đây! (Giơ ngón cái lên)  
- Cha tôi nè! (Giơ ngón trỏ lên)  
- Anh trai lớn (Giơ ngón giữa)  
- Chị gái xinh (Giơ ngón nhẫn)  
- Bé út nhất (Giơ ngón út ra)  
Nếu có thể, làm các mặt hình người đội lên đầu các ngón tay (hoặc vẽ mặt người lên đầu ngón tay).

**BAN CHAI DANH RANG CUA TOI**

**• Mục đích**  
- Tập nói câu văn ngắn  
- Tập luyện các ngón tay theo động tác minh họa hoạt động.

**• Hướng dẫn**  
Trẻ ngồi thoải mái trên sàn nhà, nghe, quan sát, đọc và làm các động tác cùng cô  
- Tôi có một bàn chải nhỏ (Giơ một ngón tay trỏ ra)  
- Tôi giữ nó cho thật chắc (Nắm chặt bàn tay vào)  
- Tôi đánh răng hành ngày vào buổi sáng  
- Và lần nữa trước khi đi ngủ (Sử dụng ngón tay trỏ làm động tác đáng răng).

**VAN TAY CHI NGON**

**• Mục đích**  
- Tập vận động của các ngón tay  
- Gọi đúng tên ngón giơ lên

**• Hướng dẫn**  
Trẻ ngồi thoải mái trên sàn nhà theo từng cặp (hai trẻ một nhóm). Một trẻ giơ tay ra trước và bắt chéo, các ngón tay kết chặt với nhau. Vòng bàn tay để lòng bàn tay hướng ra phía trước mặt, các ngón tay vẫn nắm chặt. Trẻ ngồi đối diện chỉ vào ngón tay của trẻ kia và gọi tên của ngón đó. Trẻ được chỉ giơ đúng ngón theo yêu cầu và gọi tên ngón giơ. Nếu giơ sai ngón thì chịu phạt. Sau năm lần chỉ ngón tay thì đổi lại, bạn chỉ làm tay vặn và bạn tay vặn được chỉ ngón

**DOI BAN TAY**

**Mục đích:**  
- Tập nói câu văn ngắn  
- Tập biểu lộ cảm xúc với các động tác phù hợp

**• Hướng dẫn:**  
Trẻ ngồi thoải mái trên sàn nhà, nghe, quan sát các động tác, đọc và làm cùng cô  
Đôi bàn tay có thể nói  
Theo cách riêng của mình  
Khi gặp người bạn thân  
Bàn tay giúp tôi nói:  
- "Xin chào!" (Giơ tay bắt và lắc lắc.)  
- "Đến đây nào!" (Giơp tay khoác về phía mình)  
- "Tôi đồng ý" (Vòng ngón cái và ngón trỏ thành vòng tròn.)  
- "Hãy dừng lại đây nhé!" (Giơ bàn tay xòe ra làm hiệu dừng; Bàn tay nắm lại và ngón tay trỏ chỉ xuống dưới đất.)  
- "Hãy nhìn nào!" (Ngón tay trỏ chỉ vào mắt)  
- "Hãy lắng nghe!" (Dùng hai tay kéo hai vành tai về phía trước)  
- "Hãy cùng vui lên nào!" (Cả hai trẻ quay mặt vào nhau cùng cười tươi

**CO THE NOI**

**Mục đích:**  
- Tập nói câu ngắn kết hợp vận động  
- Tập biểu lộ cảm xúc với các động tác phù hợp

**• Hướng dẫn**  
Trẻ ngồi thoải mái trên sàn nhà, nghe, quan sát, đọc và làm các động tác cùng cô  
- " Khi tôi cười là tôi đang hạnh phúc." (Chỉ ngón tay lên khóe môi.)  
- "Khi xị mặt là tôi đang buồn." (Dùng hai ngón tay kéo hai khóe môi xuống)  
- "Khi nhún vai lắc đầu là tôi muốn nói rằng không biết." ( Nhún vai, lắc đầu, phẩy tay)

**NGON TAY NHAY**

**• Mục đích:**  
- Tập nói câu ngắn tả đặc điểm của tay và chân  
- Tập vận động các ngón tay và phát triển cơ nhỏ

**• Hướng dẫn:**  
Trẻ ngồi thoải mái trên sàn nhà. Hai bàn tay nắm lại giơ ra phía trước. Trẻ nghe, quan sát các động tác, đọc và làm cùng cô.  
- "Bạn có thể nhảy một chân chứ?" ( Giơ các ngón trỏ lên. )  
- "Tôi có thể lắm chứ." ( Chống các ngón trỏ xuống mặt đất và làm động tác nhảy )  
- "Bạn có thể vẫy một tay chứ?" (Hai tay ra trước mặt, các ngón tay giơ thẳng và quay mặt hai lòng bàn tay vào nhau. Khi đọc câu văn, tay phải vẫy vẫy như đang hỏi tay trái.)  
- "Tôi có thể vẫy một tay lắm chứ." (Tay trái vẫy vẫy như trả lời tay phải.)  
- "Bạn có thể vẫy hai tay chứ?" (Tay trái vẫy vẫy như hỏi lại tay phải.)  
- "Tôi có thể vẫy hai tay lắm chứ." (Cả hai tay đều vẫy vẫy như nhau)

**NHAY RA NHAY VAO**

**Mục đích :**  
- Rèn luyện sức khỏe, tính nhanh nhạy cho trẻ  
- Hình thành khả năng phối hợp

**Cách chơi:**  
 - Chia trẻ thành 2 nhóm ( mỗi nhóm từ 10-12 bé ).Chọn một bạn trong nhóm ra để "oản tù tì" bên nào thắng đi trước và gọi là nhóm 1.Nhóm 2 ngồi thành vòng tròn , nắm tay để tạo thành các cửa ra vào.Các cửa này luôn giơ tay lên, hạ tay xuống để ngăn không cho nhóm 1 vào.Mỗi trẻ trong nhóm 1 đứng cạnh 1 cửa ( phía ngoài vòng tròn) và rình xem khi nào cửa mở (tay hạ xuống) thì nhảy vào, khi nhảy thì nói "vào".Khi vào được bên trong thì nói "vào rồi".Khi 1 bé ở nhóm 1 nhảy vào được thì các cửa phải mở cho các bạn nhóm 1 vào.Khi đã vào hết , cửa đóng lại và nhóm 1 tìm cách nhảy ra.Khi nhảy vào hay ra mà chạm chân hay tay của người làm cửa hay nhảy sai cửa , hya người trong nhóm chưa vào hết đã có người nhảy ra thì bị mất lượt và phải ngồi thế cho nhóm kia đứng lên chơi

**BONG BÓNG BAY**

***LUẬT CHƠI :***  
Hướng dẫn trẻ vận động những thao tác theo đúng nhịp của bài thơ sau :  
Bóng bay xanh  
Bay nhanh theo gió  
Nhẹ tay, nhẹ tay  
Kẻo mà bóng bay  
Vỡ ngay  
Bùm!  
Bóng bay đỏ  
Bay nhanh theo gió  
Nhẹ tay, nhẹ tay  
Kẻo mà bóng bay  
Vỡ ngay  
Bùm!  
***CÁCH CHƠI :***  
Cô hướng dẫn trẻ nắm tay nhau thành một vòng tròn.cho trẻ vừa đi vừa đọc từng câu của bài thơ:  
Bóng bay xanh(cho trẻ đi chậm)  
Bay nhanh theo gió(cho trẻ đi nhanh hơn, nắm tay nhau giơ cao và tiến vào tâm vòng tròn.Khi các bàn tay của bé chụm sát với nhau thì ngừng)  
Nhẹ tay, nhẹ tay(cho trẻ hạ xuống)  
Kẻo mà bóng bay(cho trẻ đi lùi dần ra phía sau, mở rộng vòng tròn như lúc đầu)  
Vỡ ngay( yêu cầu trẻ nhún chân và ngồi thụp xuống)  
Bùm!(tất cả buông tay nhau và dang rộng 2 tay giơ lên trời làm động tác bong bóng bị vỡ.)  
Qua khổ thơ thứ 2, trò chơi tiếp tục với lời thơ “Bóng bay đỏ” va thao tác giống như khổ 1.

**Chơi khám phá**

Cách chơi khám phá (thử nghiệm, tìm ra cái mới):  
- giúp bé khám phá đồ vật, sự kiện mới   
- vui vẻ làm theo chỉ dẫn của bé  
- Hào hứng làm việc cho bé quan sát  
(kèm giao tiếp bằng mắt, "bình luận bóng đá")  
Một số dạng chơi:  
- đặt đồ chơi mới vào giữa đống đồ chơi cũ  
- thu hút sự chú ý của bé (chỉ cho bé kèm lời nói) tới đồ vật, sự kiện mới  
- giấu đồ chơi để bé tìm  
- đặt đồ chơi ngoài tầm với của bé, cho vào hộp khó mở  
- cho bé dần dần các mảnh của đồ chơi, đồ vật có nhiều mảnh  
- tìm hiểu xem các đồ vật trong nhà phát ra tiếng động như thế nào

**Chơi vận động**

Chơi vận động   
Cách chơi vận động (bé khám phá và học cách điều khiển cơ thể)  
- tạo tình huống để bé vận động  
- tạo không khí vui vẻ để bé thích vận động  
- xoa bóp cho bé theo nguyên tắc trái ngược (ví dụ vừa cào vừa xoa)  
(kèm giao tiếp bằng mắt, "bình luận bóng đá", nghe nhạc, thơ, hát)  
Một số dạng chơi:  
- Các trò chơi vận động thô:   
+ chạy (tới và lui), trèo cầu thang , trèo dốc(lên và xuống), dậm chân, nằm/ngồi đưa chân qua lại, đá bóng, nhún nhảy theo nhạc, nhảy hai chân cùng lúc, giữ thăng bằng trên một chân, bước đều  
+ dơ tay, quay tay từ trên xuống (cần mẹ giúp), vắt chéo tay phía trước, dơ tay chạm chân, chạm đầu, đập nhẹ tay lên bàn, gõ cửa, vỗ tay, vẫy tay, ném bóng, vỗ nhẹ vào chân, vai, bụng, đầu, khoanh tay, đưa hai tay ra, xoa tay vào nhau, chống tay lên eo  
+ vặn mình, đứng lên, ngồi xuống, nhún, quỳ gối rồi đứng lên, lộn nhào, leo trèo, nhảy xa  
+ lắc đầu, gật đầu, quay đầu, che mặt bằng tay  
- Các trò chơi vận động tinh:   
+ làm động tác chỉ, cắt kéo, tròn - búng, chữ o, chi chi chành chành, xoè, nắm tay, ngọ nguậy ngón tay, duỗi ngón trỏ, giơ ngón cái, múa xinh (xoay cổ tay)  
+ lật trang sách, vẽ nguệch ngoạc, dán giấy, chụm tay giữ nước  
+ cau mày, búng tai, phỉnh mũi, xì mũi

**Chơi điều khiển**

Cách chơi điều khiển (điều khiển và học về đồ vật, phối hợp tay-mắt)  
- cho bé đồ chơi, đồ vật kích thích bé tìm hiểu, tìm cách điều khiển  
- chỉ cho bé cách điều khiển đồ vật bé thích  
- cầm tay chơi cùng bé nếu cần  
(kèm giao tiếp bằng mắt, "bình luận bóng đá", nghe nhạc)  
Một số dạng chơi:  
- xỏ vòng vào trụ  
- ráp mảnh gỗ (hình hoa quả, con vật...) vào khung hình  
- chồng khối (bắt đầu là hai khối)  
- lồng các hộp lớn nhỏ vào nhau  
- rung chuông, phất cờ, đánh trống, cầm điện thoại  
- mở, kéo cửa; tắt, bật đèn, quạt, tivi  
- cầm và ném bóng  
- kéo ghế, ngồi vào ghế  
- lật trang sách  
- đóng mở hộp, chai  
- vẽ bằng bút, sáp, bảng vẽ  
- lắp hình đơn giản, lồng các mẩu đồ chơi kết nối  
- lau tay, lau miệng, đánh răng, chải tóc  
- kéo, đẩy ô tô đồ chơi  
- đổ/rót/xúc đậu, gạo, nước... từ bình/bát/cốc này sang bình/bát/cốc kia

**Chơi xã hội**Cách chơi xã hội (tương tác, học từ người khác thông qua quan sát, bắt chước)  
- theo dõi và tích cực đáp ứng nỗ lực tương tác của bé  
- tạo cơ hội cho bé chơi với người khác (cả người lớn và trẻ em)  
- giúp bé học cách chơi với người khác  
(kèm giao tiếp bằng mắt, "bình luận bóng đá")  
Một số dạng chơi:  
- chào hỏi, vẫy tay, bắt tay, vuốt tay  
- chơi nghé ọ cọ đầu  
- chơi ú oà luân phiên  
- chơi vỗ tay hi-five (kèm đọc "Đầu gì, đầu tầu, tầu gì, tầu hoả...")

**Chơi giả vờ**

Chơi giả vờ   
Cách chơi giả vờ (tìm hiểu ý nghĩa các tình huống, dùng trí tưởng tượng, sử dụng biểu tượng)  
- khuyến khích bé quan sát việc nhà  
- bày cho bé cách chơi giả vờ với đồ vật, đồ chơi  
- để bé tự thử chơi giả vờ với đồ chơi  
(kèm giao tiếp bằng mắt, "bình luận bóng đá")  
Một số dạng chơi:  
- chơi bán đồ hàng  
- nấu nướng  
- giả vờ làm mẹ  
- bón cho búp bê  
- chơi vuốt tay với búp bê (mẹ cầm tay búp bê)  
- chơi nghé ọ cọ đầu với búp bê, cho 2 búp bê nghé ọ  
- giả vờ uống cốc không, chai không, giả vờ ăn

**Chơi giải quyết vấn đề**

Cách chơi giải quyết vấn đề (tò mò, tự tin tìm cách tự giải quyết vấn đề, tình huống)  
- thu hút sự chú ý của bé vào đồ vật và sự kiện xung quanh  
- nhận biết điều bé quan tâm, làm theo chỉ dẫn của bé, bày thêm cho bé cách khám phá  
- tạo hoạt động bé dễ làm thành công và để bé tự thử làm, nhưng đôi khi lại cần tạo ra những chướng ngại vật nho nhỏ để bé tìm cách vượt qua  
(Kèm giao tiếp bằng mắt, "bình luận bóng đá", nghe nhạc)  
Một số dạng chơi:  
- giấu một mảnh hình trong bộ xếp hình của bé  
- đưa cho bé thứ khác với thứ bé muốn  
- thỉnh thoảng phá vỡ thói quen bé đã rõ (ví dụ đi giày xong lại lấy tất để đi)  
- tạo chướng ngại vật trên đường bé lấy thứ bé thích (ví dụ: nước - đi lấy cốc, trèo lên ghế, lấy chai nước trên bàn)  
- làm "nhạc cụ" bằng cách cho vật nhỏ (lưu ý: an toàn) như hạt đậu, chùm chìa khoá... vào hộp, đậy nắp, hoặc giữa hai đĩa giấy rồi dán lại, sau đó lắc để tạo ra âm thanh  
- xâu chuỗi vòng bằng bột mỷ nặn để khô, bằng hạt mỳ Ý nhiều màu, bằng lõi cuộn giấy vệ sinh cắt nhỏ, tô màu...  
- làm và xâu dây xích bằng giấy  
- đoán vật trong hộp kín chỉ để lỗ nhỏ vừa đủ để bé đút tay, có thể đoán vật nhẵn, vật ráp...

**Chơi với miệng xinh**

Khuyến khích bé nhận thức về lưỡi, môi, điều khiển thở  
- thè lưỡi, liếm bằng lưỡi  
- phồng má, há miệng, ngậm miệng, nhe răng, mím môi  
- thổi thành tiếng vào tay và các bộ phận cơ thể  
- đánh đàn răng  
- hôn gió  
- hôn vào gương  
- thổi bong bóng  
- thổi/hút ống nước  
- thổi sáo, kèn, còi tò he  
- thổi giấy, thuyền giấy  
- thổi bong bóng xà phòng tắm trên tay  
- thổi vào gương  
- thổi chong chóng  
(kèm âm thanh thích hợp, có thể dùng gương hỗ trợ)

**Chơi tiếp xúc thể chất - "Rough & Tumble"**

Mục tiêu: để bé vận động cơ thể của bé, tiếp xúc với cơ thể mẹ, nhìn vào khuôn mặt mẹ, cười thích thú, tạo ra âm thanh và đòi chơi nữa  
Yêu cầu: an toàn, lôi cuốn, thời gian vừa phải  
Một số dạng chơi:  
- Tung bé lên rồi đón bé  
- Cho bé cưỡi lưng, cưỡi chân  
- Nhảy, trèo, lăn trên đệm mềm  
- Nhẹ nhàng đẩy bé trên đệm mềm, đệm lò xo  
- Cù  
- Ôm lưng bé xoay vòng  
- Trốn tìm, ú oà  
- Chơi quái vật dọa bắt  
- Kéo bé trên tấm chăn, nói "kéo... kéo... ùm" (bé lăn kềnh ra đệm mềm)  
- Lăn bé trên quả bóng lớn  
(Kèm câu nhịp điệu ngắn, thông báo trước có dừng lại để chờ phản ứng của bé, "bình luận bóng đá", hát, nhạc)

**Chơi "đuổi hình bắt chữ"**

Dùng các hình ảnh kèm "bình luận bóng đá" phù hợp  
Nguồn hình ảnh:  
- tivi, video ca nhạc trẻ em có chọn lọc  
- powerpoint  
- tranh, ảnh, truyện tranh  
- đồ chơi  
- đồ vật thật (tranh thủ lúc nấu ăn, dọn nhà, gấp quần áo...)  
Bình luận:  
- nói chậm, rõ  
- nói ít từ, tên gọi thống nhất, lặp đi lặp lại  
- nói ngay khi hình ảnh hiện ra  
- kết hợp cả danh từ, động từ, tính từ, đại từ sở hữu...

**Chơi con rối**

- có thể dùng búp bê, thú nhồi bông, dùng con rối nắm được trong tay và có tiếng kêu  
- có thể dùng ngón tay mẹ, vẽ thêm hình mắt, mũi, râu...  
- có thể dùng bóng bay nhiều màu, nhiểu hình, đổ bột nặng vào, buộc chặt lại, vẽ hình ngộ nghĩnh lên  
- có thể cắt hình con rối trên bìa cứng, tô, dán thêm màu  
- có thể dùng bìa cứng cắt hình ngôi nhà, dán giấy khác màu vào chỗ cánh cửa, sau cánh cửa để hình con rối (hoặc tranh, ảnh khác), mở ra là bé thấy  
- nhẹ nhàng giới thiệu từng con rối, có thể dùng lời hát ("con gì cạp cạp, a con vịt, con gì meo meo, a con mèo")  
- dùng con rối để cù, nói chuyện, nhảy, hát, tạo những âm thanh thú vị  
- dùng hai con rối để tạo hội thoại  
- dùng con rối để hát/nói "xin chào" và "tạm biệt" lúc bắt đầu và kết thúc trò chơi  
- dùng con rối để kể chuyện, minh họa cho truyện tranh vẫn "đọc" cho bé (ví dụ con rối 2 nửa kể chuyện cô bé choàng áo đỏ)

**Chơi nước**   
Yêu cầu:   
- An toàn: luôn có người lớn giám sát  
- Giữ sức khoẻ: tránh nắng, gió, hơi lạnh  
- Vệ sinh: dọn dẹp là một phần của trò chơi  
Một số dạng chơi:  
- Đổ, múc nước  
- Đục chai nước cho nước chảy vọt tứ phía  
- Bóp chai nước  
- Thổi ống vào nước  
- Thổi bong bóng xà phòng  
- Pha màu, xà phòng, sữa tắm... vào nước  
- Xây tháp trên cầu bắc qua chậu nước  
- Chơi vật nổi, vật chìm với bóng...  
- Chơi vật đựng, vật thủng với phễu, rây...  
- Chơi với đồ chơi chạy dây cót trên nước  
- "Sơn" sân, vỉa hè... bằng chổi nhúng nước  
- Đong nước  
(Kèm "bình luận bóng đá")